



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

MÔN

TIẾNG VIỆT 3

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

lớp



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
môn
TIẾNG VIỆT 3
(Tài liệu lưu hành nội bộ) lớp



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty CPDV XBGD Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: HOÀNG THỊ MINH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XBGD GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:- Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu- Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN –
MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 – BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN:

Mục lục

Phần một - HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 3	5
1.1. Quan điểm biên soạn	5
1.2. Một số điểm mới	6
2. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 3	9
2.1. Cấu trúc chung.....	9
2.2. Cấu trúc chủ điểm.....	9
2.3. Cấu trúc bài học.....	9
2.3.1. Cấu trúc bài học 4 tiết	10
2.3.2. Cấu trúc bài học 3 tiết.....	13
2.3.3. Cấu trúc bài ôn tập.....	17
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.....	18
4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ.....	20
4.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên	21
4.2. Kiểm tra, đánh giá định kì.....	24
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN	27
6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU	28
7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ XẾP THỜI KHOÁ BIỂU	28

Phần hai - MỘT SỐ GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG	29
2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY ĐỌC	32
2.1. Hướng dẫn dạy học đọc	32
2.1.1. Dạy đọc lưu loát (đọc thành tiếng).....	32
2.1.2. Dạy đọc hiểu	32
2.1.3. Dạy đọc mở rộng	38

2.2. Hướng dẫn dạy học tập viết	38
2.3. Hướng dẫn dạy học chính tả	39
2.4. Hướng dẫn dạy học luyện từ và câu	41
2.4.1. Mở rộng vốn từ và phát triển lời nói	41
2.4.2. Luyện tập nói, viết câu.....	42
2.5. Hướng dẫn dạy học nói và nghe.....	43
2.5.1. Nói và nghe kết nối bài học.....	43
2.5.2. Nói và nghe tương tác.....	43
2.5.3. Hỏi – đáp tương tác	44
2.5.4. Nghe – nói trong kể chuyện	44
2.5.5. Dạy nói sáng tạo	46
2.6. Hướng dẫn dạy học viết sáng tạo.....	46
2.7. Hướng dẫn tổ chức hoạt động vận dụng.....	50
3. BÀI SOẠN MINH HOẠ.....	51
3.1. Bài soạn minh hoạ tiết viết sáng tạo Thư điện tử	51
3.2. Bài soạn minh hoạ tiết kể chuyện Bông lúa	53

Phần ba - CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, VỞ BÀI TẬP, VỞ TẬP VIẾT	56
1.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	56
1.2. Hướng dẫn sử dụng vở bài tập	57
1.3. Hướng dẫn sử dụng vở tập viết.....	58
2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH THAM KHẢO	60

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 3

1.1. Quan điểm biên soạn

1.1.1. Định hướng chung

Bộ sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt được biên soạn theo chủ trương “một chương trình (CT), một số SGK” được quy định tại Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và căn cứ theo Điều 32 Luật Giáo dục (sửa đổi) năm 2019 (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Bộ SGK Tiếng Việt được biên soạn nhằm đáp ứng các yêu cầu: (1) Tuân thủ định hướng đổi mới giáo dục phổ thông: chuyển từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp học sinh (HS) hình thành, phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực; (2) Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1.2. Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

SGK *Tiếng Việt 3* được biên soạn theo nguyên tắc đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa CT, SGK với cách thức học tập, khả năng học tập của HS; (2) Sự phù hợp với đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

SGK *Tiếng Việt 3* tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS; tổ chức các hoạt động đọc, viết, nói và nghe có mục đích giao tiếp; tổ chức bài học thành chuỗi hệ thống hoạt động/ bài tập (BT); dạy học kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS; công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS; ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

SGK *Tiếng Việt 3* tích hợp dạy học bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ; tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách; tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy; tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

SGK *Tiếng Việt 3* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn: từ bài đọc, các kĩ năng đọc,



viết, nói, nghe được rèn luyện và phát triển; liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ điểm của bài học. Hoạt động tiếp cận thể loại văn bản được tổ chức gắn kết với hoạt động chiếm lĩnh nội dung của văn bản nhằm tạo liên kết về nội dung. Trường liên tưởng được chú ý thể hiện xuyên suốt, giúp GV tổ chức dạy học thuận lợi hơn.

SGK *Tiếng Việt 3* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với các thể loại cơ bản:

- Văn bản thông tin khoa học thường thức;
- Văn bản giới thiệu;
- Văn bản hướng dẫn;
- Văn bản hành chính (thông báo, đơn từ);
- Văn bản báo chí (tin tức, quảng cáo);

Các thể loại văn bản trên góp phần giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản thông tin bên cạnh văn bản văn chương.

SGK *Tiếng Việt 3* thiết kế các hoạt động trong một bài học đi từ việc khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để HS rút ra ý nghĩa của việc đọc, viết; tự giác tham gia vào hoạt động đọc, viết; vận dụng các điều đã học để nói, viết (sáng tạo). Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS.

Bên cạnh đó, các nội dung giáo dục về quyền con người, về bình đẳng giới, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, giáo dục ý thức về chủ quyền quốc gia, biển đảo, giáo dục lòng biết ơn lãnh tụ, anh hùng dân tộc,... được kết nối, lồng ghép qua các bài học.

SGK *Tiếng Việt 3* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Trong sách, việc sử dụng các biểu tượng được tiếp tục trên cơ sở kế thừa ý tưởng từ SGK *Tiếng Việt 1* và *Tiếng Việt 2* để “phạm trù hoá” các hoạt động và cấu trúc bài học, đồng thời làm tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS. Tuy nhiên, để phù hợp với các hoạt động dạy học ở lớp Ba, các biểu tượng có những thay đổi nhỏ để phù hợp, thống nhất hơn, chẳng hạn biểu tượng cho các hoạt động Đọc, Viết, Luyện từ và câu, Nói và nghe, Viết sáng tạo đều gắn với hình ảnh gợi hoạt động của HS.

1.2. Một số điểm mới

1.2.1. Kết nối, kế thừa Tiếng Việt 1 và Tiếng Việt 2

Theo định hướng đổi mới được quy định trong CT Ngữ văn 2018, sách *Tiếng Việt 3* chuyển tải những thành tựu giáo dục hiện đại qua các bài học, các chủ điểm với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo vòng tròn đồng tâm kiểu “lõi xoáy”. Chẳng hạn, các chủ điểm ở học kì I xoay quanh những nội dung gần gũi về bản thân HS, gia đình, trường học – bạn bè:

Vào năm học mới, Mái trường mến yêu, Những búp măng non, Em là đội viên, Ước mơ tuổi thơ, Cùng em sáng tạo, Vòng tay bè bạn, Mái ấm gia đình; Sang học kì II, nội dung về quê hương – đất nước – thế giới xung quanh được mở rộng và nâng cao: Bốn mùa mở hội, Nghệ sĩ tí hon, Niềm vui thể thao, Thiên nhiên kì thú, Quê hương tươi đẹp, Đất nước mến yêu, Một mái nhà chung.

Mặt khác, các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán được bố trí, sắp xếp hài hoà gần như trùng với các dịp lễ tết, các hoạt động văn hoá, giáo dục. Chẳng hạn chủ điểm Vào năm học mới, Mái trường mến yêu được học ngay sau ngày khai trường; chủ điểm Những búp măng non và chủ điểm Em là đội viên được học vào thời điểm các em tìm hiểu về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; chủ điểm Niềm vui thể thao được học vào dịp các trường thường tổ chức hội thao, Hội khoẻ Phù Đổng, chủ điểm Bốn mùa mở hội và chủ điểm Nghệ sĩ tí hon được học vào dịp tết Nguyên đán; chủ điểm Đất nước mến yêu và chủ điểm Một mái nhà chung được học vào dịp hưởng ứng Ngày Trái Đất của thế giới,...

Các đặc điểm về cấu trúc và nội dung tư tưởng, quan điểm biên soạn và triết lí giáo dục đã được khẳng định ở Tiếng Việt 1 và Tiếng Việt 2. Chẳng hạn: cấu trúc các bài học của một chủ điểm, cấu trúc từng bài học; quan điểm giao tiếp và tích hợp trong biên soạn; triết lí dạy chữ – dạy người; ứng dụng những thành tựu của giáo dục học, tâm lí học hiện đại, tâm lí nhận thức, tâm lí ngôn ngữ của HS trong việc lựa chọn hệ thống ngữ liệu, thiết kế BT,...

Trong từng ngữ liệu của bài đọc và BT đều hướng tới mục đích giáo dục, chứa đựng triết lí giáo dục: Giáo dục HS biết tôn trọng sự khác biệt, phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm hạn chế của bản thân, biết yêu quý, tôn trọng mọi người, mọi vật xung quanh, trong đó có nội dung giáo dục về quyền con người và bình đẳng giới (Những búp măng non, Ước mơ tuổi thơ, Cùng em sáng tạo); Giáo dục HS “kết nối yêu thương” từ những điều bình thường, giản dị, bằng những việc làm phù hợp lứa tuổi,... (Vào năm học mới, Mái trường mến yêu, Vòng tay bè bạn, Mái ấm gia đình); Giáo dục ý thức về văn hoá truyền thống, ý thức về quê hương đất nước (Bốn mùa mở hội, Nghệ sĩ tí hon, Niềm vui thể thao, Quê hương tươi đẹp, Đất nước mến yêu); Giáo dục ý thức về cuộc sống hiện đại, về môi trường (Thiên nhiên kì thú, Một mái nhà chung),... Bên cạnh đó, những hình ảnh về HS có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nhu cầu đặc biệt như HS bị khiếm khuyết về cơ thể, HS gặp khó khăn về ngôn ngữ nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của người thân, thầy cô giáo,... được cân nhắc, cài đặt nhẹ nhàng qua một số bài đọc (Điều kì diệu, Cô Hiệu trưởng,...), đảm bảo giữ được màu sắc trong trẻo, hồn nhiên, dung dị phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, tâm lí nhận thức, tâm lí phát triển của HS lớp Ba.

Ngoài ra, các chủ điểm của SGK Tiếng Việt 3 được kế thừa và phát triển trên cơ sở SGK Tiếng Việt 1 và SGK Tiếng Việt 2. Sự kế thừa này thể hiện rõ nguyên tắc đồng tâm



xuyên suốt bộ sách. Đồng thời tạo điều kiện giúp GV và HS sử dụng sách *Tiếng Việt 3* hiệu quả hơn.

1.2.2. Thiết kế nội dung theo mạch chủ điểm

Nội dung ngữ liệu để hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực được thiết kế thành các chủ điểm với năm nội dung lớn theo mạch nhìn từ bản thân HS mở rộng ra thế giới xung quanh. Cụ thể như sau:

- ♦ Bản thân
- ♦ Gia đình
- ♦ Trường học – Bạn bè
- ♦ Thiên nhiên – Quê hương – Đất nước
- ♦ Thế giới

Năm nội dung trên tương ứng và tích hợp hàng ngang với nội dung của các môn học khác như *Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mỹ thuật, Âm nhạc,...* Chẳng hạn, các văn bản thông tin về xã hội, thế giới tự nhiên, môi trường đều có sự kết nối chặt chẽ với CT và tài liệu dạy học môn *Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm*; nội dung giáo dục đạo đức trong các bài học cũng được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với CT và tài liệu dạy học môn *Đạo đức, Mỹ thuật, Âm nhạc,...*

1.2.3. Thiết kế chủ điểm, bài học theo nguyên tắc liên kết, tích hợp

Mỗi chủ điểm/ bài học đều được xây dựng theo một cấu trúc khép kín, liên kết, tích hợp theo cả trục ngang và trục dọc các nội dung, kĩ năng trong từng tuần học, bài đọc và BT, đảm bảo liên kết giữa các tuần trong một mạch nội dung, và giữa các nội dung lớn với nhau. Chẳng hạn, chủ điểm *Một mái nhà chung* với các bài học – bài đọc: *Cậu bé và mẫu san hô, Hương vị Tết bốn phương, Một mái nhà chung, Đi tàu trên sông Von-ga, Cốc kiệu Trời, Bỏ câu hiếu khách* giúp HS khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, những giá trị văn hoá truyền thống của các nước trên thế giới. Từ đó thêm yêu mến, gần gũi, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ *mái nhà chung*.

1.2.4. Thiết kế các hoạt động rèn luyện kĩ năng trên cơ sở đặc điểm tâm lí nhận thức của học sinh

Các hoạt động hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế, tính toán theo ma trận đảm bảo tính tiến trình theo hướng tăng dần về số lượng, chất lượng. Chẳng hạn hoạt động đọc mở rộng (ĐMR) bắt đầu từ tìm đọc văn bản (đọc trong sách, báo,... hoặc trên internet), nêu tên văn bản, tên tác giả, chi tiết em thích đến việc nêu nội dung, bài học rút ra, đánh giá, chia sẻ cảm xúc về bài đọc; từ chia sẻ với bạn đến trao đổi để hiểu sâu hơn về văn bản đọc,...

1.2.5. Thiết kế quy trình khép kín cho các hoạt động rèn luyện và phát triển kĩ năng

Bên cạnh việc chú ý tính tích hợp, liên kết chặt chẽ giữa ngữ liệu đọc với việc phát triển các kĩ năng nói, nghe, đọc, viết, mỗi kĩ năng riêng biệt còn được chú ý thiết kế theo một quy trình hướng dẫn quá trình nhận thức khép kín cho người học nhằm đảm bảo tính phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, tính trọn vẹn của một kĩ năng, hướng đến việc HS tự khám phá, tự làm chủ quy trình thực hiện một kĩ năng ngôn ngữ.

2. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 3

2.1. Cấu trúc chung

Theo quy định của CT Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, SGK *Tiếng Việt 3*, *Bộ sách Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXB GD VN) biên soạn cho 35 tuần thực học, mỗi tuần 7 tiết, tổng cộng 245 tiết; chia thành 2 tập:

- ♦ *Tập một*: dành cho học kì I, gồm 18 tuần với 16 tuần dạy bài mới (8 chủ điểm), 1 tuần ôn tập giữa học kì và 1 tuần ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì.
- ♦ *Tập hai*: dành cho học kì II, gồm 17 tuần với 15 tuần dạy bài mới (7 chủ điểm), 1 tuần ôn tập giữa học kì và 1 tuần ôn tập, kiểm tra đánh giá cuối học kì.

Mỗi tập sách gồm *Kí hiệu dùng trong sách*, *Lời nói đầu (tập một)*, *Mục lục* và các bài học được sắp xếp theo chủ điểm. Cuối sách có bảng *Một số thuật ngữ dùng trong sách* và *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*.

2.2. Cấu trúc chủ điểm

– *Về thời lượng*: Mỗi chủ điểm gồm 2 tuần học, mỗi tuần 7 tiết. Tùy theo kế hoạch dạy học, nhà trường có thể dạy từ 1 – 2 tiết trong một buổi hoặc một ngày. Cũng tùy theo kế hoạch dạy học nhà trường có thể xếp thêm 1 – 2 tiết/ tuần dành cho thực hành, ôn luyện, tạo điều kiện cho HS củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

– *Về số bài và kiểu bài*: Mỗi chủ điểm có 4 bài đọc hiểu (riêng chủ điểm 15 có 6 bài đọc hiểu), kèm theo là những nội dung thực hành luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Mỗi bài gồm ba hoạt động chính: *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*.

– *Về loại thể văn bản*: Mỗi chủ điểm có 4 văn bản, lần lượt tương ứng với từng thể loại: truyện, thông tin, thơ, miêu tả (riêng chủ điểm 15 có 2 văn bản truyện, 2 văn bản thông tin, 1 văn bản thơ, 1 văn bản miêu tả).

2.3. Cấu trúc bài học

Mỗi chủ điểm có 4 bài học. Trong đó, bài 1 và bài 3 được phân bố trong 4 tiết, bài 2 và bài 4 được phân bố trong 3 tiết (riêng chủ điểm 15 có 6 bài học. Trong đó, bài 1, bài 3 và bài 5 được phân bố trong 4 tiết; bài 2, bài 4 và bài 6 được phân bố trong 3 tiết).



2.3.1. Cấu trúc bài học 4 tiết

♦ Phần 1: KHỞI ĐỘNG

– Mở đầu bài học là hoạt động *Khởi động* nhằm kết nối trải nghiệm của HS với bài học và văn bản đọc.

– Phần *Khởi động* gồm (các) câu lệnh và thường kèm từ ngữ hoặc tranh ảnh để khơi gợi hứng thú, giúp HS kết nối với bài học từ những trải nghiệm về văn hoá, xã hội, ngôn ngữ sẵn có.

Một số ví dụ minh hoạ:

Khởi động Chia sẻ với bạn những điều em quan sát được trên đường đến trường theo gợi ý: Hình ảnh Âm thanh ?	Khởi động Trao đổi với bạn những điều em thấy trong bức tranh của bài đọc theo gợi ý: Nhân vật Địa điểm ?
Khởi động 1. Giải các câu đố sau: Hằng đêm quen ở trên trời Vui Trung thu bạn rước tôi đi cùng? (Là gì?) Hoa gì tươi thắm sắc vàng Cánh dài bung nở rộn ràng vào thu? (Là hoa gì?) 2. Kể tên một vài hoạt động diễn ra vào dịp tết Trung thu.	Khởi động Nói về những hình ảnh và âm thanh quen thuộc ở trường.   

♦ Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

① Đọc:

* *Văn bản đọc và tranh minh hoạ:*

– Phần *Văn bản đọc và tranh minh hoạ* bài đọc được trình bày dưới phần *Khởi động*.

– Kèm theo phần *Văn bản đọc* có thể có phần *Giải nghĩa từ*, vừa giúp HS nâng cao năng lực đọc thành tiếng, vừa tạo điều kiện để HS nắm nội dung bài đọc.

* *Câu hỏi:* Sau phần *Văn bản đọc và tranh minh hoạ* bài đọc là các *Câu hỏi* hướng dẫn tìm hiểu bài bao gồm câu hỏi đọc hiểu nội dung, câu hỏi đọc hiểu hình thức và câu hỏi liên hệ, kết nối, so sánh.

* *ĐMR:* Được thiết kế hằng tuần với thể loại, nội dung thay đổi theo chủ điểm và theo mạch kiến thức; gợi ý bố trí: sau bài đọc văn bản truyện và văn bản thơ (bài 1 và bài 3). HS thực hiện việc tìm kiếm, đọc văn bản và viết *Phiếu đọc sách* ngoài giờ học theo hướng dẫn của GV. Trên lớp, HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* về tên văn bản, tên tác giả, hình ảnh, chi tiết, nhân vật,... em thích và nêu nội dung, bài học rút ra cũng như đánh giá, chia sẻ cảm xúc về bài đọc.

Một số ví dụ minh họa:

Tuần 1 **Bài 1** **VÀO NĂM HỌC MỚI**

Chiếc nhãn vở đặc biệt

Khởi động

Chia sẻ với bạn: Em đã chuẩn bị những gì cho năm học mới?

Sách vở

Quần áo

?

Khám phá và luyện tập

1. Đọc và trả lời câu hỏi:

Chiếc nhãn vở đặc biệt

1. Sáng Chủ nhật, chị Hai lật tờ lịch, nói như reo:
– Một tuần nữa là đến năm học mới rồi!
Tôi cũng thấy háo hức. Một tuần nữa thôi, tôi sẽ được gặp lại các bạn. Mỗi tháng hè ở nhà, tôi nhớ những người bạn thân thương quá đi thôi!

2. Từ tuần trước, ba mẹ đã đưa chị em tôi đi mua sách vở. Tôi mở một quyển sách, mùi giấy mới thơm dịu khiến tôi thêm náo nức, mong đến ngày tựu trường.

3. Chị Hai rủ tôi cùng bọc sách vở. Ngắm những quyển vở mặc áo mới, dân chiếc nhãn xinh như một đám mây nhỏ, tôi thích quá, liền nói:
– Năm nay, chị để em tự viết nhãn vở nhé!
Chị Hai cười, đồng ý ngay.
Tôi hơi run khi cầm bút. Nhưng rồi tên trường, tên lớp, tên môn học,... cũng theo tay tôi mềm mại hiện lên.

4. Chị Hai nhìn chiếc nhãn vở, mỉm cười:
– Em viết đẹp hơn chị rồi!
Biết chị trêu nhưng tôi vẫn thấy vui. Lần đầu tiên tôi viết nhãn vở kia mà.

Giá được đến lớp ngay hôm nay nhỉ! Tôi sẽ khoe với các bạn chiếc nhãn vở đặc biệt này: nhãn vở tự tay tôi viết.

Nguyễn Thị Kim Hoà

? **Náo nức:** phần khởi mong đợi một điều gì đó.

?

- Khi năm học mới sắp đến, hai chị em cảm thấy thế nào?
- Hai chị em đã làm những việc gì để chuẩn bị cho năm học mới?
- Theo em, vì sao bạn nhỏ mong được đến lớp ngay?
- Em ước mong những gì ở năm học mới?

2. Đọc một truyện về trường học:

a. Viết vào Phiếu đọc sách những điều em thấy thú vị.

b. Chia sẻ với bạn về Phiếu đọc sách của em.

Tuần 6 **Bài 3** **Hai bàn tay em**

Khởi động

- Hát một bài hát về đôi bàn tay.
- Trao đổi: Đôi bàn tay giúp em làm những việc gì?

Khám phá và luyện tập

1. Đọc và trả lời câu hỏi:

Hai bàn tay em
(Trích)

Hai bàn tay em
Như hoa đầu cành
Hoa hồng hồng nụ
Cánh tròn ngón xinh.

Đêm em nằm ngủ
Hai hoa ngủ cùng
Hoa thì bên má
Hoa ấp cạnh lòng.

Tay em đánh răng
Răng trắng hoa nhài.
Tay em chải tóc
Tóc ngời ánh mai.

Giờ em ngồi học
Bàn tay siêng năng
Nở hoa trên giấy
Từng hàng giống giăng.

Có khi một mình
Nhìn tay thủ thủ:
– Em yêu em quý
Hai bàn tay em.

Huy Cận

? **Giăng giăng:** dần ra theo chiều ngang.

?

- Trong khổ thơ đầu, hai bàn tay của bạn nhỏ được so sánh với hình ảnh nào?
- Hai bàn tay thân thiết với bạn nhỏ như thế nào?

Khí ngủ

Khí đánh răng

Khí học bài

Khí một mình

- Em thích nhất hình ảnh nào trong bài? Vì sao?
- Nói về những việc em nên làm để giữ gìn đôi bàn tay.

★ Học thuộc lòng 2 – 3 khổ thơ em thích.

2. Đọc một bài đọc về thiếu nhi:

a. Viết vào Phiếu đọc sách những thông tin chính.

b. Chia sẻ với bạn cách em tìm bài đã đọc.

② Tập viết (bài 1)/ Chính tả (bài 3):

* *Tập viết* được bố trí sau bài 1 (2 tuần có 1 tiết) gồm ôn viết chữ hoa cỡ nhỏ theo nhóm nét; luyện viết từ, câu ứng dụng có chứa các chữ hoa vừa ôn.

Ví dụ minh họa:



Ôn chữ hoa A, Ă, Æ

- Viết từ:

Chau Văn An

- Viết câu:

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.
Ca dao

* *Chính tả* được bố trí sau bài 3 (3 tuần có 1 tiết) gồm luyện tập viết chính tả đoạn bài (*nghe – viết* hoặc *nhớ – viết*), làm BT chính tả để tránh lỗi chính tả thường gặp.

Một số ví dụ minh họa:

 1. Nhớ – viết: Bàn tay cô giáo (từ Một tờ giấy đỏ... đến hết). 2. Viết lại vào vở cho đúng các tên người nước ngoài. a. Lu-i thường nữ Véc-Xen đi câu cá. b. Ông Giô-đép dắt Lu-i đến gặp thầy rơ-nê. c. I-sắc niu-tơn (1642 – 1727) là một nhà khoa học vĩ đại người Anh. (3) Tìm chữ hoặc vần thích hợp với mỗi: a. Chữ s hoặc chữ x Cửa ☹ ổ – con mắt ngôi nhà Mở ra nhìn khắp núi ☹ a, ông dài Cho em ánh ☹ ánh học bài. Đón bao gió mát, đêm cái trắng ☹ ao. Theo Trần Hồng Thắng b. Vần ăc hoặc vần ăt và thêm dấu thanh (nếu cần) Bao nhiêu mặt trời Ban mai trong lành Đang còn say gi ☹ Gió lùa phảng ph ☹ Đậu trên giàn g ☹ Nắng vàng ươm m ☹ Giữa vòm lá xanh. Chim về reo ca... Theo Khuê Minh	 1. Nghe – viết: Rừng cọ quê tôi Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã. Búp cọ vuốt dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vừa trổ, lá đã xoà sát mặt đất. Lá cọ tròn xoè ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp lánh nắng như rừng mặt trời mới mọc. Nguyễn Thái Vận 2. Chọn d hoặc gi thích hợp với mỗi: ☹ đọc theo những ☹ ông kênh là những rừng bần cùng những hàng dừa nước. Mọc cho mưa bão, bần vẫn dẻo ☹ ai vườn cao, lá vẫn mượt xanh hiền lành ☹ ừa đám dừa nước xanh rì. Mưa bắn đơm hoa, muôn vàn bông hoa ☹ ăn d, hiền hoà, đung đưa theo gió. Theo Duyên Hương (3) Tìm từ ngữ chỉ tên gọi con vật, cây, hoa, quả chứa tiếng có: a. Chữ s hoặc chữ x M: hoa xoan b. Vần im hoặc vần iêm M: con nhím
--	--

③ **Luyện từ và câu:** Các BT hỗ trợ HS tích lũy, hệ thống hoá và tích cực hoá vốn từ, rèn luyện và phát triển kỹ năng tạo câu.

Một số ví dụ minh họa:

1. Những từ ngữ nào sau đây dùng để chỉ trẻ em?

nhì đồng

thanh niên

thiếu nhi

trung niên

thiếu niên

trẻ con

2. Tìm 2 – 3 từ ngữ:

a. Chỉ hình dáng của trẻ em
M: nhỏ nhắn

b. Chỉ hoạt động học tập của trẻ em
M: học Toán

c. Chỉ tình cảm hoặc sự chăm sóc của người lớn với trẻ em
M: thương yêu

3. Đặt 2 – 3 câu về hoạt động học tập của trẻ em.




1. Tìm hình ảnh so sánh và từ ngữ dùng để so sánh trong các đoạn thơ, đoạn văn sau:

a. Trẻ em như búp trên cành.
Hó Chí Minh

b. Những đêm nào trăng khuyết
Trông giống con thuyền trôi.
Nhưộc Thuỷ

c. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
Vũ Tú Nam

2. Tìm từ ngữ có thể thay thế cho mỗi từ ngữ so sánh vừa tìm được ở bài tập 1.

3. Đặt câu có hình ảnh so sánh dựa vào gợi ý:



trăng – diều



lá trâu bò – trái tim

♦ Phần 3: VẬN DỤNG

Vận dụng trong phạm vi bài học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống: giúp HS vận dụng các nội dung đã học vào thực tế đời sống kết hợp phát triển ngôn ngữ với hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... với yêu cầu đơn giản, tạo điều kiện cho HS rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Một số ví dụ minh họa:

Vận dụng

Chơi trò chơi Tuổi thơ vui về:

- Đọc hai bài đồng dao sau:

Mèo đuổi chuột

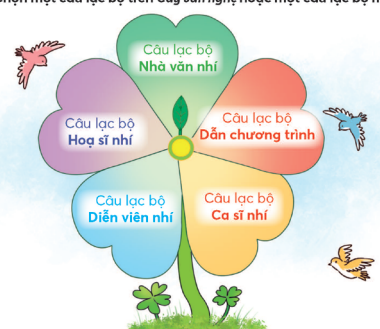
Mời bạn ra đây
Tay nắm chặt tay
Đứng thành vòng rộng
Chuột lượn lổ hồng
Chạy vội chạy mau
Mèo đuổi đằng sau
Trốn đâu cho thoát
...

Tập tằm vông

Tập tằm vông
Tay không tay có
Tập tằm vó
Tay có tay không
Tay nào không
Tay nào có
Tay nào có
Tay nào không?
...

- Cùng các bạn chơi một trò chơi trong bài đồng dao.

1. Chọn một câu lạc bộ trên Cây văn nghệ hoặc một câu lạc bộ mà em biết.



2. Nói 1 – 2 câu về hoạt động của câu lạc bộ đã chọn.

2.3.2. Cấu trúc bài học 3 tiết

♦ Phần 1: KHỞI ĐỘNG

Tương tự bài học 4 tiết.

♦ Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

① **Đọc:** Tương tự bài học 4 tiết.

* **Luyện tập mở rộng:** Sau *Câu hỏi* là hoạt động *Luyện tập mở rộng* trong sự gắn kết nội dung và kĩ năng với bài đọc, bố trí sau văn bản thông tin và văn bản miêu tả (bài 2 và bài 4).

Một số ví dụ minh họa:

Bài 2
Lắng nghe những ước mơ

Khởi động
Chia sẻ với bạn về nghề nghiệp em thích theo gợi ý:

Tên Lí do ?

Khám phá và luyện tập
1. Đọc và trả lời câu hỏi:

Lắng nghe những ước mơ

Cuối giờ học Tiếng Việt, cô giáo đọc từng bài giới thiệu của các bạn. Cô đứng lại lâu hơn ở bài của Hà Thu.

Em sinh ngày 17 - 9 - 2014. Bố của em kể, ngày hôm đó, trời thu Hà Nội đẹp dịu dàng nên bố mẹ đặt tên em là Hà Thu. Từ khi còn bé xíu, em đã ước mơ được làm cô giáo. Những lúc rảnh rỗi, em thường vẽ tranh hoặc chơi ghép giấy cùng các bạn. Em mong lớn lên sẽ trở thành giáo viên dạy Mỹ thuật.

Đọc xong, cô mỉm cười, dịu dàng nhìn Hà Thu:
– Bài tự giới thiệu của cô giáo Mỹ thuật tương lai vừa hay lại vừa trang trí đẹp! Em đọc cho các bạn cùng nghe nhé.

Nguyễn Thảo

13

2. Cô giáo cho Hà Thu và các bạn trong lớp viết về điều gì?
2. Hà Thu đã viết những gì trong bài của mình?

Tên Ngày sinh ?

3. Vì sao cô giáo bảo Hà Thu đọc bài viết cho các bạn cùng nghe?
4. Em thích điều gì nhất trong bài giới thiệu của bạn Hà Thu? Vì sao?

2. Nói 2 – 3 câu về một môn học em thích theo gợi ý:

Cảm xúc Hoạt động Sản phẩm

Môn học em thích

?

Bài 4
Nhớ lại buổi đầu đi học

Khởi động
Nói về ngày đầu tiên em đi học theo gợi ý:

Cảnh vật Con người ?

Khám phá và luyện tập
1. Đọc và trả lời câu hỏi:

Nhớ lại buổi đầu đi học

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

20

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thềm vung và ước ao thấm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Theo Thanh Tịnh

• Nao nức: hăm hở, phấn khởi.
• Quang đãng: sáng sủa và thoáng rộng.
• Bỡ ngỡ: ngỡ ngàng, lúng túng vì chưa quen thuộc.
• Ngập ngừng: vừa muốn làm lại vừa e ngại, chưa biết làm thế nào.

2. Những điều gì gợi cho tác giả nhớ về buổi đầu đi học?
2. Vì sao tác giả thấy lạ khi đi trên con đường làng quen thuộc?
3. Những hình ảnh nào cho thấy các bạn học trò mới bỡ ngỡ trong ngày tựu trường?
4. Bài đọc nói về điều gì?
Cảnh đẹp của một buổi sáng cuối mùa thu
Niềm vui của tác giả khi được mẹ dẫn đi học
Kỉ niệm đẹp đẽ của tác giả trong buổi đầu đi học

2. Tìm từ ngữ chỉ cảm xúc trong ngày đầu tiên đi học:

của tác giả của em

3. Nói 1 – 2 câu thể hiện cảm xúc của em trong ngày đầu đi học.

21

② Nói và nghe (bài 2)/ Kể chuyện (bài 4):

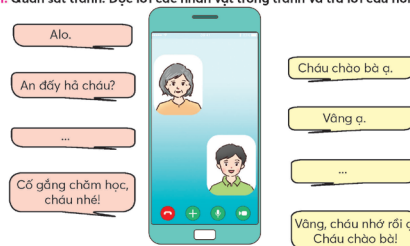
* Nói và nghe được bố trí sau bài 2 (2 tuần có 1 tiết) gồm các BT rèn kĩ năng nói và nghe tương tác.

Một số ví dụ minh họa:

 Hợp nhóm để bàn về việc thực hiện một nhiệm vụ do lớp phân công dựa vào gợi ý:



 1. Quan sát tranh. Đọc lời các nhân vật trong tranh và trả lời câu hỏi.



a. An nói gì khi bà bắt máy?
b. Bà đáp lời An thế nào?
c. Trước khi tắt điện thoại, An nói gì?
d. Bà trả lời An ra sao?

2. Cùng bạn đóng vai để gọi và trả lời điện thoại một trong các tình huống sau:

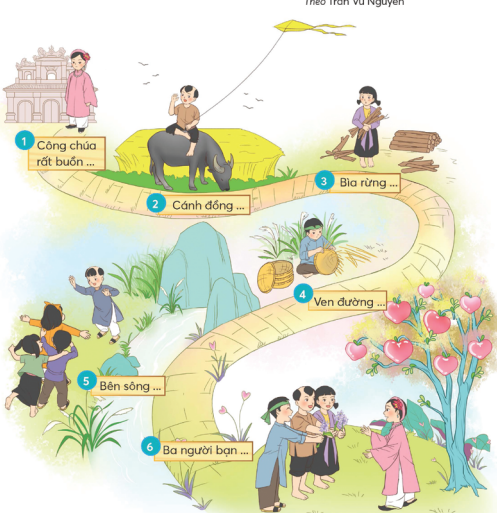
a. Thông báo với ông bà hoặc người thân ở quê về một tin vui của gia đình em.
b. Hỏi thăm bố mẹ hoặc người thân trong thời gian đi công tác xa.

* Kể chuyện được bố trí sau bài 4 (2 tuần có 1 tiết) gồm các nội dung hướng dẫn, gợi ý cho hoạt động kể chuyện theo các hình thức: Nghe – kể, Đọc – kể, Xem – kể như: tên truyện, tranh minh họa kèm câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý về nội dung và ý nghĩa; kĩ năng kể (kể từng đoạn, kể toàn bộ, kể phân vai, kể thêm đoạn kết,...).

Một số ví dụ minh họa:

 1. Nghe kể chuyện.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh.

Những người bạn
Theo Trần Văn Nguyên



3. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

116

 1. Xem tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện.

Bông lúa
Theo Truyện dân gian U-crai-na



2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

118

③ **Rèn luyện kỹ năng viết sáng tạo:** Bao gồm các bài học, BT thực hành từ điển vào giấy tờ in sẵn; viết thông báo; bản tin ngắn; viết thư (thư tay và thư điện tử);... đến viết đoạn văn ngắn từ 5 – 7 câu → 6 – 8 câu → 7 – 9 câu → 8 – 10 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia; tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc; viết về tình cảm, cảm xúc với một hoặc một số sự việc;...

Một số ví dụ minh họa:

1. Đọc thư điện tử và trả lời câu hỏi.

Thư mới

Đến: vananhngt2014@gmail.com

Chủ đề: Thông báo kế hoạch quyền góp sách vở của lớp 3A

Vân Anh thân mến!

Lớp mình đã họp và thống nhất kế hoạch quyền góp sách vở tặng các bạn học sinh Trường Tiểu học Kim Đồng như sau:

Thời gian: Tiết Hoạt động trải nghiệm sáng thứ Ba, ngày 18 tháng 10 năm 2022.

Địa điểm: Phòng học lớp 3A.

Mình viết thư này để nhờ bạn thông báo cho lớp bạn cùng tham gia.

Trả lời mình sớm nhé!

LÊ THỊ HỒNG HẠNH
Lớp trưởng lớp 3A
Trường Tiểu học Hoà Bình
Email: lethihonghanh075@gmail.com

Gửi:

a. Bạn Hồng Hạnh viết thư cho bạn Vân Anh để làm gì?

b. Thư có những nội dung gì?

Chọn các thẻ màu xanh phù hợp với mỗi thẻ màu hồng:

Phần đầu thư	Địa chỉ người nhận thư
Phần nội dung	Chủ đề
Phần cuối thư	Lời xưng hô
	Những thông tin cần trao đổi
	Thông tin của người gửi thư

2. Giúp bạn Vân Anh viết thư trả lời bạn Hồng Hạnh dựa vào gợi ý:

Thư mới

Đến: lethihonghanh075@gmail.com

Chủ đề: Trả lời về kế hoạch quyền góp sách vở

- Em sẽ xưng hô thế nào?
- Em trả lời bạn những nội dung gì?

Nguyễn Thị Vân Anh
Lớp trưởng lớp 3B
Trường Tiểu học Hoà Bình
Email: vananhngt2014@gmail.com

Gửi:

1. Tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam dựa vào gợi ý:

Kỉ niệm

Cảm xúc với cảnh vật

Tình cảm với cảnh đẹp...

Tình cảm với con người

2. Chia sẻ với bạn tình cảm, cảm xúc của em trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam.

đỉnh Phăng-xi-păng

vịnh Hạ Long

động Thiên Đường

đồi cát trắng

1. Viết đoạn văn ngắn (từ 8 đến 10 câu) nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam.

2. Hoàn chỉnh và trang trí bài viết của em.

3. Trao đổi với bạn:

a. Những điều em học được ở bài viết của bạn:

Từ ngữ chỉ cảm xúc

Hình ảnh đẹp

?

b. Những điều bạn có thể thêm vào bài viết:

Hình ảnh so sánh

Câu cảm

?

♦ Phần 3: VẬN DỤNG

Tương tự bài học 4 tiết.

Mỗi kiểu bài, gợi ý được thiết kế đa dạng, gồm cả kênh chữ (từ ngữ, câu hỏi, đoạn văn) và kênh hình (hình minh hoạ, tranh ảnh, sơ đồ,...) vừa tạo hứng thú vừa có giá trị khơi gợi giúp HS sáng tạo trong nói, viết.

2.3.3. Cấu trúc bài ôn tập

Kiểu bài ôn tập gồm ôn tập giữa và cuối mỗi học kì. Kiểu bài này hỗ trợ HS ôn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng như các kiến thức tiếng Việt. Qua đó, giúp các em củng cố và phát triển các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*. Thêm vào đó, ở bài ôn tập cuối kì còn có *Đề kiểm tra – đánh giá* tham khảo để GV hướng dẫn cho HS thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì.

2.3.3.1. Bài ôn tập giữa học kì

Nội dung ôn tập giữa học kì được phân bố thành 7 tiết, gồm:

- Tiết 1: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản truyện; ôn luyện kĩ năng viết chữ hoa.
- Tiết 2: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản thông tin; ôn luyện kĩ năng viết chính tả.
- Tiết 3: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản thơ; ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
- Tiết 4: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản miêu tả; ôn luyện kĩ năng viết sáng tạo.
- Tiết 5: Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản mới.
- Tiết 6: Ôn luyện kiến thức tiếng Việt.
- Tiết 7: Ôn luyện kĩ năng viết sáng tạo.

2.3.3.2. Bài ôn tập, kiểm tra – đánh giá cuối học kì

(1) Bài ôn tập cuối học kì

Nội dung ôn tập cuối học kì được phân bố trong 3 tiết, gồm:

- Tiết 1: Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.
- Tiết 2: Ôn luyện đọc thành tiếng, kĩ năng viết chữ hoa hoặc viết chính tả đoạn bài và bài tập chính tả.
- Tiết 3: Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc thuộc lòng, kiến thức tiếng Việt.



(2) Bài kiểm tra – đánh giá cuối học kì

Để kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Việt cuối học kì được sách trình bày với dụng ý để GV tham khảo và cho HS luyện tập các kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiểu, viết chính tả và viết đoạn văn ngắn dựa vào gợi ý. GV có thể thiết kế dưới dạng *Phiếu bài tập* hoặc sử dụng *Vở bài tập* (VBT) cho HS luyện tập.

Nội dung đánh giá định kì được phân bố trong 4 tiết, gồm:

– Đánh giá kĩ năng đọc: đọc thành tiếng và đọc hiểu (kết hợp đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản và đánh giá kiến thức tiếng Việt).

– Đánh giá kĩ năng viết: viết chính tả đoạn bài và viết đoạn văn ngắn.

Lưu ý: GV có thể thực hiện đánh giá cuối học kì theo đề kiểm tra, đánh giá định kì gợi ý hoặc có thể thiết kế để kiểm tra, đánh giá định kì dựa vào yêu cầu cần đạt theo các “chặng” phù hợp với kế hoạch bài dạy môn học do GV xác định.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Theo định hướng chung của CT giáo dục phổ thông 2018, các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của HS. Trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện kiến thức. Qua đó, HS rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

Các hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động khởi động, khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động vận dụng (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết; thực hiện BT, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia xê-mi-na, tham quan, cắm trại, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuỳ theo yêu cầu cần đạt, tính chất của hoạt động, HS được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Trong một giờ học, GV hoàn toàn được trao quyền tự chủ đối với việc lựa chọn phương pháp dạy học. Có thể nói, đây là một trong những hoạt động giúp GV thể hiện được bản lĩnh chuyên môn cũng như nghệ thuật dạy học của mình.

Tuy vậy, việc lựa chọn phương pháp dạy học cũng cần được thực hiện trên cơ sở một số căn cứ:

– *Căn cứ vào yêu cầu cần đạt, nội dung chính của bài để lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp.*

Ví dụ: Nếu yêu cầu cần đạt, nội dung chính của giờ học là rèn luyện kĩ năng đọc thành tiếng thì GV cần chú trọng luyện đọc thành tiếng cho từng cá nhân. Trên cơ sở đó, cần chọn hình thức học cá nhân (từng HS đọc trước lớp), học nhóm (đọc nối tiếp trong nhóm) và học theo lớp (nghe đọc mẫu, đọc nối tiếp, thi đọc giữa các nhóm,...). GV cần hướng dẫn HS kĩ thuật đọc để HS có thể đọc thành tiếng có hiệu quả, đọc đúng tiến tới đọc nhanh (đạt tốc độ quy định). Có thể đi từ đọc thầm (cá nhân) → đọc nhỏ (trong nhóm) → đọc to (trước lớp). Nếu yêu cầu cần đạt, nội dung chính của giờ học là rèn luyện kĩ năng đọc hiểu thì GV cần chú trọng hệ thống câu hỏi, BT, phương pháp, hình thức tổ chức đọc hiểu. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi, BT được giới thiệu trong sách học sinh (SHS), GV có thể điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng HS, đảm bảo mỗi bài đọc có đủ câu hỏi đọc hiểu nội dung, câu hỏi đọc hiểu hình thức, câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối. GV cũng là người quyết định hình thức tổ chức hoạt động: tìm hiểu bài cá nhân hay trong cặp, nhóm; hình thức thể hiện sản phẩm hoạt động: nói bằng lời, viết, vẽ,... hay sơ đồ hoá nội dung câu trả lời, trò chơi học tập,...

– *Căn cứ vào đặc trưng của từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe để lựa chọn các phương pháp và kĩ thuật dạy học.* Trong những năm gần đây, GV đã được tiếp cận với nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học cụ thể vận dụng vào các nội dung dạy đọc, viết, nói và nghe, kiến thức tiếng Việt. GV cũng là người được toàn quyền linh hoạt lựa chọn một hoặc một số phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với nội dung học, phù hợp với đặc điểm HS của lớp mình và phù hợp với điều kiện dạy học của lớp.

Ví dụ: Để dạy đọc văn bản thơ, GV có thể chọn kĩ thuật trò chơi để tổ chức cho HS chơi đọc *Truyền điện* từng khổ thơ trong nhóm; kĩ thuật *Thay từ bằng hình*, kĩ thuật *Xoá dần* để hướng dẫn HS học thuộc lòng hay tổ chức cuộc thi đọc thuộc lòng khổ thơ, bài thơ giữa các nhóm; dùng kĩ thuật *Chúng em biết 3* để khởi động bài học; dùng kĩ thuật *Trình bày một phút* để tổ chức cho HS chia sẻ những điều em biết có liên quan đến bài thơ trước khi đọc; GV có thể dùng kĩ thuật này để tổ chức cho HS nói về ý nghĩa của một số hình ảnh, chi tiết em thích trong bài,... Để dạy mở rộng vốn từ (MRVT), GV có thể sử dụng kĩ thuật *Khăn trải bàn* hay *Mảnh ghép* để tổ chức cho cá nhân HS tìm từ, tìm hiểu nghĩa từ. Trên cơ sở đó, HS chia sẻ và thụ hưởng kết quả tìm từ của bạn để tích lũy vốn từ.

Tương tự như chọn phương pháp dạy học cho hoạt động đọc, khi dạy hoạt động viết, nói và nghe hay kiến thức tiếng Việt, GV cũng cần chọn những phương pháp dạy học đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính và đặc trưng của hoạt động.



Một điểm đặc biệt lưu ý, GV cần biết “mềm hoá” quy trình tổ chức từng hoạt động hoặc nhóm hoạt động dạy học trong các giờ học, giúp HS học tập linh hoạt, khơi gợi được sự hứng thú, sáng tạo của các em trong quá trình học tập.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Thực hiện CT giáo dục phổ thông 2018, việc đánh giá HS căn cứ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *Ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học* có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2020, thực hiện theo lộ trình 5 năm, áp dụng đối với lớp Ba từ năm học 2022 – 2023.

Theo *Quy định đánh giá HS tiểu học*, môn Tiếng Việt cũng thực hiện *đánh giá thường xuyên* và *đánh giá định kì*.

– **Đánh giá thường xuyên** là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

– **Đánh giá định kì** là đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong CT giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của HS. Môn Tiếng Việt 3 thực hiện đánh giá định kì vào cuối học kì I và cuối học kì II.

Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá HS tiểu học đối với môn Tiếng Việt:

– **Phương pháp quan sát:** GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp, có thể sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS, bao gồm:

+ **Quan sát quá trình:** GV cần chú ý đến những hành vi của HS như: sự tương tác (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc,...) giữa các HS với nhau trong nhóm,... (hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học hay ngồi im thụ động,...).

+ **Quan sát sản phẩm:** HS phải tạo ra sản phẩm học tập và GV sẽ quan sát, cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Một số quan sát được tiến hành có chủ định và định trước, như trong trường hợp GV đánh giá HS khi các em thực hiện BT đọc trong nhóm hoặc trình bày một nội dung trước lớp (nói và nghe tương tác hay nói phục vụ viết sáng tạo,...). Khi HS đọc bài trước

lớp, GV có thể theo dõi và lắng nghe xem HS phát âm có rõ ràng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi đọc hay không, có thể hiện sự tự tin hay không,... Những quan sát như thế đã được định sẵn nên GV có thời gian để chuẩn bị cho HS và xác định trước từng hành vi cụ thể nào sẽ được quan sát.

– **Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:**

GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

– **Phương pháp vấn đáp:** GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

Tuỳ theo vị trí của phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tuỳ theo mục đích, nội dung của bài học, GV có thể đặt câu hỏi vấn đáp gợi mở, vấn đáp củng cố, vấn đáp tổng kết hay vấn đáp kiểm tra.

– **Phương pháp kiểm tra viết:** GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, BT được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của CT, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

4.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

– Đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập, rèn luyện của HS được thực hiện theo tiến trình nội dung của môn học, trong đó bao gồm cả quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

– Trong đánh giá thường xuyên, GV sử dụng các kĩ thuật quan sát, theo dõi; trao đổi, phỏng vấn; kiểm tra nhanh (phiếu, vở); nhận xét (lời, viết);...

– Trong đánh giá thường xuyên, GV cần lưu ý ghi những nhận xét đáng chú ý nhất vào *Nhật kí đánh giá* (nếu có): những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được; biện pháp cụ thể giúp HS vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân, nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

– Tham gia đánh giá thường xuyên hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập gồm: GV, HS (tự đánh giá và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích sự tham gia đánh giá của cha mẹ HS.

– Để thực hiện đánh giá thường xuyên trong quá trình tổ chức dạy học Tiếng Việt, căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu cần đạt của bài học, của mỗi hoạt động mà HS phải thực hiện trong bài học, GV tiến hành một số việc như sau:



+ Quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, nhóm HS theo tiến trình dạy học.

+ Nhận xét bằng lời nói trực tiếp với HS hoặc viết nhận xét vào phiếu, vở của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được; mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức; mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết, phù hợp với yêu cầu của bài học, hoạt động của HS.

+ Quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS; áp dụng biện pháp cụ thể để kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Do năng lực tiếng Việt của HS trong cùng một lớp có thể không đồng đều nên có thể chấp nhận sự khác nhau về thời gian, mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

– Đối với đánh giá thường xuyên môn Tiếng Việt lớp Ba, cần lưu ý:

+ Đánh giá hoạt động nói và nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau:

(1) HS nói đúng chủ điểm, nội dung và mục tiêu cần luyện tập.

(2) HS biết điều chỉnh âm lượng giọng nói phù hợp với từng hoàn cảnh (nhóm nhỏ, lớp).

(3) HS biết thể hiện sự quan tâm, chú ý lắng nghe khi bạn nói, có thái độ lắng nghe tích cực.

(4) HS biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (cơ thể, điệu bộ, gương mặt, giọng nói, cử chỉ,...) khi tham gia hoạt động nói và nghe.

+ Đánh giá hoạt động đọc

Có hai nội dung đánh giá: đánh giá đọc thành tiếng và đọc hiểu.

• Về đọc thành tiếng: GV dựa trên các tiêu chí sau:

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng/ tổng số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng* trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc sau các cụm từ có nghĩa.

• Về đọc hiểu: GV cần đánh giá các khả năng:

(1) Nhận biết chi tiết, hình ảnh, lời nhân vật, từ ngữ chỉ hình dáng, hành động, màu sắc, âm thanh được thể hiện tường minh trong văn bản.

* Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

(2) Chỉ ra được nội dung, chủ điểm của văn bản thông qua gợi ý.

(3) Liên hệ tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.

(4) Liên hệ nội dung văn bản với đời sống cá nhân.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 70 – 75 chữ (học kì I); 75 – 80 chữ (học kì II) cho HS đọc thành tiếng; văn bản có độ dài khoảng 200 – 230 chữ (học kì I), 230 – 250 chữ (học kì II) đối với thể loại truyện, khoảng 180 – 190 chữ (học kì I), 190 – 200 chữ (học kì II) đối với thể loại miêu tả, khoảng 80 – 90 chữ (học kì I), 90 – 100 chữ (học kì II) đối với thể loại thơ, khoảng 120 – 135 chữ (học kì I), 135 – 150 chữ (học kì II) đối với thể loại thông tin cho HS đọc thầm và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên.

Ví dụ minh hoạ: văn bản dùng cho kiểm tra đọc thành tiếng (truyện, thơ – học kì (HK) I và HK II):

Điều đặc biệt Cô giáo thường hỏi về "điều đặc biệt" của mỗi bạn lớp em. Ai cũng đều tự hào nói về mình. Hạnh cười rất tươi khi quả quyết mình là "siêu kinh ngư". Mắt Bảo long lanh khi chia sẻ về khả năng "nói chuyện" với thú cưng. Ngân chỉ vừa đưa tay lên làm động tác của lực sĩ là cả lớp đã cười ngất ngây... Cô giáo hào hứng lắng nghe. Cuối cùng, các bạn tò mò: "Điều đặc biệt của cô là gì?". Không đợi cô trả lời, cả lớp đồng thanh: "Cô rất nhiều con!". Văn Anh ❓ Theo các bạn, điều đặc biệt của cô giáo là gì? Vì sao?	Kiến kiến ơn Sau trận mưa bão, một đàn kiến bị sa vào vũng nước. Chú chim nhỏ nhìn thấy, liền tha mấy cọng cỏ thả xuống làm cầu cho kiến. Ngày tháng trôi qua, chú chim nhỏ vẫn sống trong tổ trên cành sơn trà đầy gai. Chú không nhớ việc mình cứu đàn kiến. Một hôm có con mèo rừng mò tới tổ chim. Bỗng một đàn kiến bò ra dày đặc khắp cành sơn trà. Mèo hoảng sợ bỏ chạy. Thì ra, đàn kiến không quên chú chim nhỏ cứu chúng thoát khỏi vũng nước. Theo Truyện cổ Việt Nam ❓ Những chi tiết nào cho thấy chú chim nhỏ và đàn kiến đã giúp nhau thoát nạn?
Sài Gòn của em Em yêu Sài Gòn nắng Tí gợn rực sắc hồng Bên rặng dừa đại lộ Xanh ngắt Bến Nhà Rồng Em yêu Sài Gòn gió Dịu dịu những trưa hè Cơn mưa rào bất chợt Chiếc ô tròn bung che Nơi có ba có mẹ Có bóng mát sân trường Với hai mùa mưa nắng Với thật nhiều yêu thương... Thanh Nguyên ❓ Bạn nhỏ yêu những gì ở Sài Gòn?	Mặt trời xanh của tôi (Trích) Đã ai lên rừng cọ Giữa một buổi trưa hè? Gối đầu lên thềm cỏ Nhìn trời xanh lá che... Đã có ai dậy sớm Nhìn lên rừng cọ tươi? Lá xoè như tia nắng Giống hệt như mặt trời. Rừng cọ ơi, rừng cọ! Lá đẹp, lá ngời ngời Tôi yêu, thường vẫn gọi Mặt trời xanh của tôi. Nguyễn Viết Bình ❓ Vì sao tác giả gọi lá cọ là mặt trời xanh?

+ Đánh giá hoạt động viết

Có hai nội dung đánh giá hoạt động viết của HS:

• **Đánh giá kĩ thuật viết** được thể hiện trong các hoạt động:

(1) Tập viết (viết chữ hoa cỡ nhỏ, viết từ, viết câu ứng dụng).

(2) Chính tả (nghe – viết hoặc nhớ – viết).



- **Đánh giá kĩ năng viết** được thể hiện trong các hoạt động:

(1) Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân,...

(2) Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay và thư điện tử).

(3) Viết được đoạn văn ngắn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia; miêu tả đồ vật; nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý; nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. Ở kĩ năng viết đoạn văn ngắn, GV chủ yếu đánh giá dựa trên ý tưởng của HS theo hướng động viên, khuyến khích.

Lưu ý:

- ① Tránh việc chú trọng đánh giá về các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- ② GV cần thể hiện bốn vai trò khi đánh giá bài viết của HS: *độc giả; người trợ giúp; người đánh giá; giám khảo.*
- ③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

+ Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, ví dụ: *Con đã đọc tốt hơn rồi!; Con rất chăm chỉ; Con đã viết đúng và đẹp hơn.; Con cần cố gắng luyện đọc/ luyện viết hơn nhé!;... tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: Chữ nguệch ngoạc, cầu thả.; Viết chưa thành câu.; Cần chăm chỉ hơn!; Sai, bạn nào giúp bạn?; Tốt.; Rất giỏi.; Đáng khen.;...*

4.2. Kiểm tra, đánh giá định kì

4.2.1. Quy trình xây dựng đề kiểm tra định kì

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá (đánh giá kết quả học tập, năng lực, phẩm chất nào của HS? Vào thời điểm nào? Đối tượng HS nào?...).

Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá, ma trận đề kiểm tra (dựa vào mục đích đánh giá, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng; nội dung trọng tâm cốt lõi;... để xác định các chủ đề nội dung cần đánh giá).

Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/ BT (số lượng các câu hỏi, dạng câu hỏi, mức độ dựa trên các chủ đề nội dung cụ thể của bước 2).

Bước 4: Dự kiến các phương án trả lời (đáp án) các câu hỏi/ BT ở bước 3 và thời gian làm bài.

Bước 5: Dự kiến điểm số cho các câu hỏi/ BT (căn cứ vào số lượng câu hỏi/ BT, các mức độ và mục đích đánh giá, đồng thời phải dự kiến hình dung được các tình huống HS sẽ gặp phải trong khi làm bài kiểm tra để ước tính điểm số).

Bước 6: Điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra (Rà soát lại các câu hỏi/ BT, mức độ, điểm số, dựa vào các yêu cầu ở bước 1, bước 2. Nếu có điều kiện – đã xây dựng được ngân hàng câu hỏi/ BT hoặc xác định được các mục đích đánh giá định kì ngay từ đầu năm học thì có thể thử nghiệm kiểm tra các câu hỏi/ BT tương tự trong suốt quá trình dạy học).

4.2.2. Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kì

4.2.2.1. Bài kiểm tra đọc (10 điểm)

(1) Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân HS):

* **Mục tiêu:** Nhằm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kĩ năng nghe nói (HS trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn, bài đọc).

* **Nội dung kiểm tra:**

– HS đọc một văn bản do GV lựa chọn và chuẩn bị trước (ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang hoặc in nội dung bài đọc vào phiếu cho từng HS bắt thăm rồi đọc thành tiếng).

– HS trả lời một câu hỏi về nội dung của đoạn đã đọc do GV nêu ra (có thể ghi câu hỏi ở cuối bài đọc trong phiếu).

* **Tiêu chí đánh giá:**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu.
- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng).
- Ngắt nghỉ đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa.
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

(2) Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (bài kiểm tra viết cho tất cả HS):

* **Mục tiêu:** nhằm kiểm tra kĩ năng đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (kĩ năng về từ và câu của HS).

* **Phân bố điểm cho các nội dung kiểm tra:** có thể phân bố điểm như sau:

- Đọc hiểu văn bản: khoảng 2/ 3 tổng số điểm.
- Kiến thức, kĩ năng tiếng Việt: khoảng 1/ 3 tổng số điểm.

Thông thường, điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nối...) là 0,5 điểm, điểm tối đa cho mỗi câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3) là 1 điểm.

* *Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức:* Có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1 khoảng 40%; Mức 2 khoảng 30%; Mức 3 khoảng 30%.

* *Thời gian làm bài kiểm tra:* khoảng 35 – 40 phút.

* *Một số chỉ dẫn biên soạn đề kiểm tra theo ma trận:*

– Bài đọc hiểu thường gồm một văn bản (truyện, bài văn, bài thơ, văn bản khoa học thường thức), tổng độ dài của các văn bản theo quy định của CT, thời gian đọc thầm khoảng 2 – 3 phút (căn cứ vào yêu cầu cần đạt môn Tiếng Việt lớp Ba để tính cho cuối học kì II).

– Câu hỏi trắc nghiệm khách quan: gồm dạng câu hỏi có kèm ba phương án trả lời để HS lựa chọn; câu hỏi yêu cầu điền ngắn (điền một từ hoặc cụm từ, điền dấu câu vào chỗ trống), câu hỏi nối cặp đôi, câu hỏi Đúng – Sai phức hợp,...

– Câu hỏi tự luận: yêu cầu HS tự hình thành câu trả lời (một hoặc một vài câu) dùng để nêu ý kiến cá nhân/ giải thích ngắn về một chi tiết trong bài đọc; trình bày cách phân loại hoặc sắp xếp ý trong bài đọc theo yêu cầu; viết câu có các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp, biện pháp tu từ đã học;...

– Thời gian tính trung bình để HS làm một câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 1 phút.

– Thời gian tính trung bình để HS làm một câu hỏi tự luận: từ 2 – 4 phút.

4.2.2.2. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

(1) Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả HS):

* *Mục tiêu:* Nhằm kiểm tra kĩ năng viết chính tả của HS.

* *Nội dung kiểm tra:* GV đọc cho HS cả lớp viết (nghe – viết) một đoạn văn (hoặc thơ) phù hợp với chủ điểm đã học tính đến thời điểm kiểm tra (số chữ theo quy định của CT). Có thể kết hợp kiểm tra chính tả âm/ vần trong trường hợp cần thiết.

* *Thời gian kiểm tra:* khoảng 15 phút.

* *Tiêu chí đánh giá bài viết của HS:*

– Tốc độ đạt yêu cầu.

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ.
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi).
- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp.

(2) Kiểm tra viết đoạn văn ngắn (bài kiểm tra viết cho tất cả HS):

* *Mục tiêu:* Nhằm kiểm tra kĩ năng viết đoạn văn ngắn của HS.

* *Nội dung kiểm tra:*

– HS viết theo yêu cầu của đề bài thuộc nội dung CT đã học ở từng học kì.

– Đề kiểm tra viết đoạn, bài đánh giá tổng hợp được những nội dung học tập sau: kĩ năng viết chữ; kĩ năng viết chính tả; kĩ năng dùng từ, đặt câu; kĩ năng viết đoạn văn đơn giản có độ dài khoảng 6 – 8 câu (cuối HKI) và 8 – 10 câu (cuối HKII).

– *Hướng dẫn chấm điểm chi tiết* (xác định các mức độ cần đạt theo từng mức điểm tùy theo đề bài cụ thể):

+ Nội dung (ý): HS viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu/ gợi ý nêu trong đề bài.

+ Kĩ năng: đánh giá được các kĩ năng:

- Kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả.
- Kĩ năng dùng từ, đặt câu.
- Tính sáng tạo thể hiện qua bài viết.

Lưu ý: ① Điểm số cho từng nội dung kiểm tra, từng tiêu chí đánh giá thực hiện theo hướng dẫn chung đối với lớp Ba.

② Đề trong sách *Tiếng Việt 3* là một ví dụ để GV dùng cho HS luyện tập, đồng thời dùng tham khảo để biên soạn đề kiểm tra đánh giá kết quả cuối học kì và cuối năm.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN

Cùng với hệ thống SHS, sách giáo viên (SGV), VBT, vở tập viết (VTV), Công ti Cổ phần dịch vụ Xuất bản Giáo dục (CPDVXBGD) Gia Định – NXB GD VN đã xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm SHS *Tiếng Việt 3*, thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, gồm:

- Sách tham khảo bám sát khung năng lực của CT 2018.
- Sách ĐMR và hướng dẫn ĐMR theo CT 2018.
- Tài liệu dạy – học tham khảo.
- Hướng dẫn thiết kế kế hoạch bài dạy.



– Sách điện tử (ebook): SGK, kho tư liệu điện tử mở rộng dành cho GV, HS tham khảo,...

– Kho phim (video clip) một số bài học được thiết kế hoạt hình 3D một cách sinh động, được sử dụng làm tài liệu hỗ trợ giảng dạy trên lớp, giúp các em HS thêm hứng thú học tập, khám phá kiến thức.

6. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

GV, phụ huynh và HS có thể tìm mua sách và các tài liệu dạy học môn Tiếng Việt cho HS lớp Ba tại các cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. GV, phụ huynh và HS cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Công ti CPDVXBGD Gia Định – NXB GD VN xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho tài liệu này được hướng dẫn cụ thể trên trang điện tử (website) của Công ti: <https://chantroisangtao.vn/mon-hoc/tieng-viet/>.

7. MỘT SỐ LƯU Ý LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ XẾP THỜI KHOÁ BIỂU

CT giáo dục phổ thông năm 2018 nói chung và CT môn Tiếng Việt tiểu học nói riêng được thiết kế theo hướng mở và trao quyền cho nhà trường, GV nhiều hơn trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Theo định hướng đó, SHS và SGV *Tiếng Việt 3* được biên soạn không theo phân môn để nhà trường và GV chủ động trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy, sắp xếp thời khoá biểu cũng như tích hợp với các hoạt động giáo dục khác.

Thời lượng môn Tiếng Việt ở lớp Ba là 7 tiết/ tuần với cấu trúc chủ điểm, tuần và bài học đã nêu ở mục *Cấu trúc sách giáo khoa Tiếng Việt 3*. Theo đó, việc lập kế hoạch bài dạy và xếp thời khoá biểu khá thuận lợi đối với các địa phương học 2 buổi/ ngày cũng như 1 buổi/ ngày. Với 7 tiết/ tuần, GV có thể xếp từ 1 – 2 tiết/ ngày. Với cách xếp này, những bài 4 tiết (bài số 1 và số 3) sẽ học trong 2 – 3 ngày, những bài 3 tiết (bài số 2 và số 4) sẽ học trong hai ngày.

Việc phân tách các nội dung dạy học ở từng bài theo tiết chỉ có tính chất gợi ý. Tùy điều kiện thực tế địa phương và tùy từng đối tượng HS, GV có thể linh hoạt điều chỉnh thời gian cho các hoạt động dạy học ở từng bài.

PHẦN HAI

MỘT SỐ GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Nối tiếp lớp Một và lớp Hai, hoạt động (*Khởi động*) ở mỗi bài học Tiếng Việt 3 thiết kế với mục đích huy động kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ của HS để dẫn dắt vào bài đọc. Đồng thời, thông qua hoạt động *Khởi động*, HS có thêm cơ hội rèn luyện kỹ năng nói và nghe, góp phần hình thành kỹ năng nói và nghe theo yêu cầu cần đạt của CT lớp Ba, cũng như đóng góp vào quá trình hình thành các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung.

Hoạt động *Khởi động* mở đầu mỗi bài học Tiếng Việt lớp Ba được thiết kế đa dạng với những hình thức phong phú – từ ngữ, hình ảnh gợi ý,... Chẳng hạn, có thể nêu một số hoạt động:

1.1. Nói/ chia sẻ

Ví dụ bài 4, tập (t.) 1, trang (tr.) 20: Khởi động Nói về ngày đầu tiên em đi học theo gợi ý: Cảnh vật Con người ?	Ví dụ bài 1, t.2, tr.10: Khởi động Nói với bạn về sự thay đổi của thiên nhiên nơi em ở vào dịp Tết theo gợi ý: Bầu trời Cây cối ?
Ví dụ bài 3, t.1, tr.107: Khởi động Chia sẻ với bạn những cách em liên lạc với người thân, bạn bè.    ?	Ví dụ bài 2, t.2, tr.44: Khởi động Chia sẻ suy nghĩ của em về một bức tranh dưới đây:  
Ví dụ bài 1, t.1, tr.90: Khởi động Nói về hình dáng và ích lợi của một chiếc đồng hồ em thích.    	Ví dụ bài 3, t.1, tr.110: Khởi động Nói về sự gắn bó giữa các sự vật trong mỗi bức tranh dưới đây:    cầu vồng – đám mây con sóc – cây cây lúa – đồng ruộng



1.2. Kể tên sự vật, sự việc

Ví dụ bài 4, t.1, tr.63: Khởi động Kể tên một số buổi lễ được tổ chức ở trường em theo gợi ý: ★ Đầu năm học mới ★ Đầu tuần ★ ?	Ví dụ bài 4, t.1, tr.100: Khởi động Kể tên một số đồ dùng hoặc đồ chơi tự làm mà em biết.    
---	---

1.3. Trao đổi/ chia sẻ về tranh ảnh minh họa

Ví dụ bài 2, t.2, tr.14: Khởi động Trao đổi với bạn những điều em thấy trong bức tranh của bài đọc. 	Ví dụ bài 4, t.2, tr.51: Khởi động Trao đổi với bạn những điều em thấy trong bức tranh của bài đọc. Khám phá và luyện tập 1. Đọc và trả lời câu hỏi: 
---	--

1.4. Giới thiệu về sự vật, sự việc

Ví dụ bài 1, t.1, tr.40: Khởi động Giới thiệu bản thân với một người bạn mới quen.	Ví dụ bài 2, t.2, tr.109: Khởi động Giới thiệu với bạn một món ăn ngày Tết ở quê em theo gợi ý: Tên Màu sắc Hương vị ?
--	---

1.5. Hát và trao đổi hoặc chia sẻ về tranh vẽ

Ví dụ bài 3, t.1, tr.47: Khởi động - Hát một bài hát về đôi bàn tay. - Trao đổi: Đôi bàn tay giúp em làm những việc gì?	Ví dụ bài 4, t.1, tr.76: Khởi động Chia sẻ với bạn về một trong các bức tranh dưới đây:   
---	---

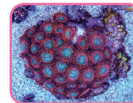
1.6. Ghép tiếng, từ tạo thành câu và nêu cách hiểu về nội dung ghép được

Ví dụ bài 2, t.1, tr.79: Khởi động - Xếp các tiếng chính, lên, mình vào các  thích hợp:     - Nêu cách hiểu của em về nội dung đã sắp xếp được.	Ví dụ bài 4, t.1, tr.114: Khởi động - Xếp các tiếng bạn, học, thấy vào các  thích hợp:     - Nêu cách hiểu của em về nội dung đã sắp xếp được.
--	--

1.7. Tìm từ ngữ gọi tên sự vật, hiện tượng, thi kể tên các địa danh

Ví dụ bài 2, t.1, tr.57: Khởi động Tìm từ ngữ gọi tên các sự vật dưới đây:    	Ví dụ bài 3, t.2, tr.99: Khởi động Thi kể tên các địa danh của nước ta. Khánh Hoà → Hoà Bình → Bình Thuận → ?
--	---

1.8. Trao đổi, chia sẻ hiểu biết về sự vật, hiện tượng

Ví dụ bài 3, t.1, tr.82: Khởi động Trao đổi với bạn về nơi ở của các con vật trong những bức ảnh bên dưới:   	Ví dụ bài 1, t.2, tr.106: Khởi động Đọc và nói về tên gọi các loài sinh vật biển trong từng bức ảnh dưới đây:  cua mặt trắng  san hô tổ ong  ốc gai
Ví dụ bài 4, t.1, tr.130: Khởi động 1. Trao đổi về một đồ chơi gấp bằng giấy em thích theo gợi ý:    	Ví dụ bài 1, t.2, tr.54: Khởi động Trao đổi với bạn những điều em biết về:   

1.9. Giải câu đố kết hợp thi kể tên sự vật, hiện tượng

Ví dụ bài 3, t.1 tr.32: Khởi động 1. Giải các câu đố sau: Hằng đêm quen ở trên trời Vui Trung thu bạn rước tôi đi cùng? (Là gì?) Hoa gì tươi thắm sắc vàng Cánh dài bung nở rộn ràng vào thu? (Là hoa gì?) 2. Kể tên một vài hoạt động diễn ra vào dịp tết Trung thu.	Ví dụ bài 4, t.2, tr.20: Khởi động 1. Giải các câu đố sau: Vừa bằng quả bí Mà thủng hai đầu Trong thấp đèn màu Đem treo trước cửa. (Là cái gì?) Cái gì nằm cánh Có nền ở trong Đêm rằm tháng Tám Ngược trông chị Hằng? (Là cái gì?) 2. Thi kể tên các loại đèn Trung thu.
--	--

Thông thường, hoạt động (Khởi động) được tổ chức gồm bốn bước:

- Bước 1: HS phân tích yêu cầu hoạt động và gợi ý (nếu có).
- Bước 2: HS thực hành hoạt động theo cặp/ nhóm nhỏ.
- Bước 3: Một số cặp/ nhóm HS chia sẻ trước lớp. Nội dung chia sẻ có thể theo một trong các hướng:



- + HS nói đơn thoại về nội dung bản thân đã chia sẻ trong cặp/ nhóm;
- + HS hỏi đáp – theo cặp;
- + HS nói đơn thoại về nội dung đã được nghe bạn chia sẻ trong cặp/ nhóm;
- + ...
- *Bước 4*: GV kết nối nội dung chia sẻ với bài học.

2. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY ĐỌC

2.1. Hướng dẫn dạy học đọc

2.1.1. Dạy đọc lưu loát (*đọc thành tiếng*) gồm bốn bước:

– *Bước 1*: GV đọc mẫu kết hợp đặt câu hỏi kích thích sự hứng thú, tập trung theo dõi của HS. GV chú ý đọc mẫu kết hợp ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, giọng điệu phù hợp với nội dung và thể loại của văn bản đọc.

– *Bước 2*: GV hướng dẫn HS đọc một số từ khó đọc, cách ngắt nghỉ hơi theo dấu câu/ cụm từ có nghĩa, cách ngắt nhịp (đối với văn bản thơ).

– *Bước 3*: GV tổ chức cho HS luyện đọc thành tiếng theo nhóm nhỏ, đọc luân phiên theo đoạn/ bài (chỉ đọc nối tiếp câu đối với đối tượng HS đọc thành tiếng chưa tốt). GV sửa lỗi phát âm theo hướng tiếp cận cá nhân.

Ngoài ra, tùy vào bài cụ thể, nếu có trường hợp do không hiểu nghĩa từ, HS ngắt nhịp không đúng, GV tổ chức cho HS giải thích nghĩa của những từ đó bằng những biện pháp phù hợp, khuyến khích cách giải thích nghĩa từ bằng ngữ cảnh trong bài đọc hoặc giải nghĩa từ bằng cách đặt câu để HS ngắt nhịp đúng.

2.1.2. Dạy đọc hiểu

Các dạng câu hỏi đọc hiểu được sử dụng trong hoạt động này bao gồm: câu hỏi tìm chi tiết trong bài, câu hỏi tìm hiểu về hình thức/ thể loại, câu hỏi về nội dung của bài đọc và câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối. Các câu hỏi được thiết kế theo ba mức độ với các dạng: câu hỏi gợi mở, câu lệnh, câu hỏi trắc nghiệm (nhiều lựa chọn, ghép nối, đúng sai,...) và câu hỏi kết hợp với tranh ảnh minh họa (câu hỏi kết nối ngôn ngữ hình ảnh).

Bên cạnh các câu hỏi trong SGK, GV linh động tổ chức các dạng câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu khác tương ứng với năng lực của HS nhằm đảm bảo mục tiêu dạy học phân hoá.

2.1.2.1. Dạy học đọc hiểu văn bản văn học

Dựa vào các nhóm câu hỏi – BT đọc hiểu, GV tổ chức cho HS thực hiện các BT.

(1) Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung

– Loại BT nhận diện các chi tiết được thể hiện tường minh trong văn bản, trả lời cho các câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, làm gì, như thế nào, vì sao,...*

Ví dụ câu hỏi ở tr.48, t.1:

2. Hai bàn tay thân thiết với bạn nhỏ như thế nào?

Khi ngủ

Khi đánh răng

Khi học bài

Khi một mình

Ví dụ câu hỏi ở tr.42, t.2:

1. Ngựa con làm gì trước khi tham gia cuộc thi chạy?

2. Ngựa cha nói gì với con?

3. Những vận động viên nào tham gia cuộc thi chạy cùng ngựa con?

Đối với dạng BT này, GV cần giúp HS *khoanh vùng* phạm vi trong bài đọc chứa thông tin liên quan đến yêu cầu câu hỏi. Sau đó hướng dẫn các em xem xét, xác định chi tiết/ sự kiện liên quan trực tiếp đến câu hỏi để lựa chọn và sắp xếp ngôn ngữ để trả lời. GV chú ý không cho HS rơi vào tình trạng trả lời câu hỏi bằng cách *đọc nguyên văn* cả đoạn hoặc một phần của bài đọc có chứa chi tiết trong câu hỏi. Nếu HS đọc nguyên văn, GV cần hướng dẫn để HS lựa chọn đúng phần thông tin có liên quan và sắp xếp các từ ngữ thành câu trả lời.

– Loại BT xác định ý khái quát hoặc hàm ý của đoạn/ văn bản dựa vào gợi ý.

Ví dụ câu hỏi ở tr.21, t.1:

4. Bài đọc nói về điều gì?

Cảnh đẹp của một buổi sáng cuối mùa thu

Niềm vui của tác giả khi được mẹ dẫn đi học

Kỉ niệm đẹp đẽ của tác giả trong buổi đầu đi học

Ví dụ câu hỏi ở tr.61, t.1:

3. Theo lời chị, điều gì đang chờ đợi bạn nhỏ ở phía trước?

Vườn trầu đầy nắng, có đàn bướm bay

Đoàn tàu và những chuyến đi xa

Những ước mơ và khát vọng tuổi thơ

Ví dụ câu hỏi ở tr. 97, t.1:

4. Bài thơ nói về điều gì?

Chiếc thuyền cô giáo gắp rất xinh.

Bình minh, mặt biển thật đẹp.

Cô giáo của em rất khéo tay.



Với loại BT xác định ý khái quát hoặc hàm ý của đoạn/ văn bản dựa vào gợi ý, HS tiểu học hay bị nhiễu bởi nội dung của từng đoạn. Vì vậy, một trong những cách hỗ trợ HS là GV đưa ra các đại ý khác nhau theo hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn để HS đối chiếu với các ý đã biết, rồi chọn lựa đại ý đã chọn. Sau đó, GV đặt câu hỏi hướng dẫn HS giải thích lí do vì sao chọn (căn cứ vào chi tiết nào trong bài đọc để chọn ý đó).

(2) Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức

– Loại BT xác định từ ngữ chỉ màu sắc, hình dáng, âm thanh, đặc điểm, hành động,... của đối tượng miêu tả trong bài đọc.

Ví dụ câu hỏi ở tr.33, t.1:

1. Tìm từ ngữ chỉ màu sắc của mùa thu trong hai khổ thơ đầu.

Ví dụ câu hỏi ở tr.37, t.1:

2. Tìm từ ngữ nói về hình dáng của hoa, cỏ trồng ở sát hàng rào.

Ví dụ câu hỏi ở tr.55, t.2:

2. Tìm những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp của giọt sương.

– Loại BT nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như nhân vật, lời nhân vật, hình ảnh miêu tả/ so sánh,...

Ví dụ câu hỏi ở tr.87, t.1:

1. Tìm những từ ngữ cho biết trời rất nóng.



Ví dụ câu hỏi ở tr.117, t.2:

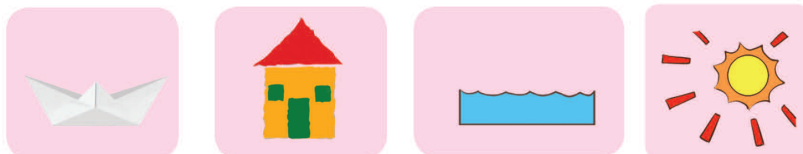
2. Đôi bờ sông Von-ga được so sánh với gì? Vì sao?
3. Cảnh vật hai bên bờ sông được tả trong đoạn 3 có gì đẹp?
4. Chi tiết nào cho thấy bà của tác giả rất thích chuyển đi?

(3) Nhóm bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối

– Loại BT kết nối đọc hiểu chi tiết trong văn bản với đọc ngôn ngữ hình ảnh.

Ví dụ câu hỏi ở tr.97, t.1:

1. Cô giáo đã tạo ra những gì từ mỗi tờ giấy màu?



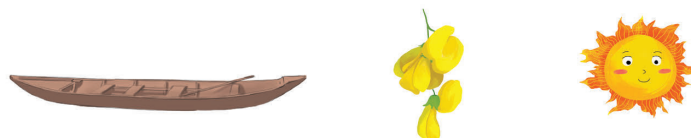
Ví dụ câu hỏi ở tr.80, t.2:

4. Các bạn quyết định chọn món quà gì gửi cho Vân? Vì sao?



Ví dụ câu hỏi ở tr.103, t.2:

3. Mỗi sự vật dưới đây được tả bằng những từ ngữ nào?



Ví dụ câu hỏi ở tr.113, t.2:

1. Mái nhà của mỗi con vật dưới đây có đặc điểm gì?



GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, giúp HS quan sát tranh và nhận ra bức tranh/ hình ảnh vẽ về điều gì/ cảnh gì/ vật gì. Từ đó hướng dẫn HS quay trở lại bài đọc và xác định vị trí câu thơ/ câu văn/ đoạn văn tương ứng với nội dung tranh. GV cũng có thể sử dụng hình thức thi đua *Ghép tranh* giữa các nhóm/ tổ để gia tăng hứng thú tìm hiểu bài.

– Loại BT liên hệ bản thân, đánh giá nhân vật/ chi tiết trong bài đọc, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS.

Ví dụ *“Em thích nhân vật/ chi tiết nào nhất? Vì sao?”*,...

Đối với dạng BT này, GV cần tạo điều kiện để mọi HS đều tham gia trả lời bằng cách linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học theo cặp/ nhóm nhỏ, khuyến khích và tạo cơ hội cho HS yếu, trung bình được tham gia trả lời. GV cũng cần chú ý việc đánh giá theo hướng tôn trọng ý kiến của HS.



2.1.2.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin

Tùy thuộc vào các đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bản đọc mà GV tổ chức thực hiện việc đọc hiểu tương ứng. Dưới đây là một số gợi ý về các kiểu câu hỏi hoặc hình thức đọc hiểu cho việc dạy thể loại văn bản thông tin.

(1) Nhóm bài tập đọc hiểu nội dung

– Loại BT nhận diện các thông tin nổi bật được thể hiện tường minh trong văn bản, thường được thiết kế dưới dạng câu hỏi tái hiện.

Ví dụ câu hỏi ở tr.29, t.1:

1. Các câu lạc bộ của Trường Tiểu học Mùa Xuân tổ chức hoạt động gì trong tháng 9?
2. Những ai tham gia ngày hội?
3. Mỗi câu lạc bộ tổ chức hoạt động gì?

– Loại BT xác định ý khái quát (đại ý) của văn bản (văn bản này viết về điều gì): lên lớp Ba, ở văn bản thông tin, thường không có câu hỏi gợi ý. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế lớp học, GV có thể có gợi ý, hỗ trợ hoặc không.

Ví dụ câu hỏi ở tr.110, t.2:

5. Bài đọc giúp em biết thêm điều gì?

(2) Nhóm bài tập đọc hiểu hình thức

– Loại BT nhận biết trình tự của các chi tiết, nội dung trong văn bản.

Ví dụ câu hỏi ở tr.58, t.1:

3. Nêu nhận xét về cách trình bày đơn:

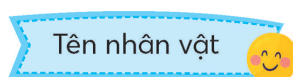
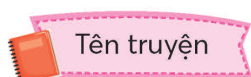
- a. Phần đầu đơn (từ đầu đến *Ban Chỉ huy Liên đội*) viết những gì?
- b. Ba dòng cuối đơn viết những gì?

Với dạng BT này, GV cần giúp HS đọc lại bài đọc, xác định vị trí các sự việc/ nội dung được nhắc đến trong câu hỏi, đánh số các sự việc theo trật tự xuất hiện trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

– Loại BT nhận diện các đặc điểm của thể loại văn bản như nhận biết một số nội dung cần có trong văn bản và thứ tự trình bày các nội dung đó.

Ví dụ câu hỏi ở tr.94, t.1:

2. Bạn ghi chép những nội dung gì về cuốn sách?



Ví dụ câu hỏi ở tr.108, t.1:

1. Bạn Nhã Uyên viết thư cho ai? Bạn xưng hô thế nào?
2. Bạn Nhã Uyên hỏi thăm những gì?
3. Bạn Nhã Uyên kể những gì?
4. Phần cuối thư, bạn viết những gì?

Với dạng BT này, GV cần giúp HS đọc lại bài đọc, xác định vị trí các sự việc được nhắc đến trong câu hỏi, đánh số các sự việc theo trật tự xuất hiện trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

(3) Nhóm bài tập đọc hiểu liên hệ, so sánh, kết nối liên hệ bản thân, kết nối kinh nghiệm ngôn ngữ và xã hội của HS.

Loại câu hỏi – BT này thường xuất hiện ở vị trí cuối của các câu hỏi tìm hiểu bài đọc, hoặc ở hoạt động *Luyện tập mở rộng* hay hoạt động *Vận dụng*.

Ví dụ các câu hỏi ở tr.15, t.2:

4. Em có suy nghĩ gì về cảnh kết thúc hội đua?

2. Nói 1 – 2 câu về lễ hội em biết.

Ví dụ các câu hỏi ở tr.29, t.2:

4. Em thích những nội dung nào trong tờ quảng cáo? Vì sao?
5. Theo em, vì sao chương trình văn nghệ có tên là *Xuân yêu thương*?

Những hoạt động *Vận dụng* trao đổi với người thân hoặc chơi trò chơi cũng được cài đặt hài hoà.

Ví dụ hoạt động ở tr.31, t.2:

Vận dụng

Trao đổi với bạn bè hoặc người thân về ý nghĩa của Chương trình văn nghệ Xuân yêu thương.



Ví dụ hoạt động ở tr.46, t.2:

Vận dụng

Chơi trò chơi Em là vận động viên:

- Kể tên một số trò chơi vận động mà em được học trong giờ Giáo dục Thể chất.
- Nói về cảm xúc của em khi tham gia các trò chơi.



2.1.3. Dạy đọc mở rộng

GV hướng dẫn HS cách tìm bài đọc trong hoạt động dặn dò ở bài học trước đó. HS có thể tìm bài đọc theo yêu cầu của GV ở nhiều nguồn khác nhau: tủ sách của lớp học, thư viện trường, tủ sách gia đình, nhà sách,... GV cũng có thể hướng dẫn HS tìm bài đọc trên internet. Nhắc HS nếu là tập sách, truyện, báo,... có mục lục thì vận dụng cách tra mục lục sách để tìm bài đã học.

Thể loại, nội dung văn bản đọc cũng như yêu cầu ĐMR cũng được tính toán đảm bảo yêu cầu về kĩ năng tăng dần qua các “chặng”.

Đặc biệt, ở mỗi thể loại văn bản, nhóm TG có thiết kế một dạng *Phiếu đọc sách* như một gợi ý, hướng dẫn cho GV trong quá trình tổ chức hoạt động ĐMR ở từng bài học.

GV có thể thực hiện làm mẫu lại trong một số tiết dạy đầu tiên có hoạt động này. Ở tiết chia sẻ, GV cho HS sử dụng *Phiếu đọc sách* để chia sẻ về bài/ truyện đã đọc các thông tin cần thiết, gồm các bước sau:

– *Bước 1*: GV tổ chức cho HS đọc BT, xác định yêu cầu BT (chia sẻ về truyện/ bài thơ/ bài văn/ bài đọc (văn bản thông tin) đã đọc); thực hiện BT theo nhóm nhỏ.

– *Bước 2*: GV tổ chức cho HS nhắc lại nội dung vừa được nghe từ bạn (nội dung mà em cảm thấy hứng thú); HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, GV có thể linh hoạt lựa chọn thời điểm tổ chức hoạt động ĐMR sao cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS. GV có thể cân nhắc phương án tổ chức cho HS chia sẻ kết quả ĐMR ngay sau khi kết thúc hoạt động luyện đọc lại bài đọc.

2.2. Hướng dẫn dạy học tập viết

Mỗi bài tập viết hướng dẫn HS luyện viết 1 – 4 chữ hoa (mẫu 1 và mẫu 2) cỡ nhỏ kết hợp luyện viết từ ngữ và câu ứng dụng.

Các chữ viết hoa được sắp xếp theo nhóm nét, các từ ứng dụng và câu ứng dụng có chứa chữ cái viết hoa vừa học. Từ ứng dụng được lựa chọn là tên người hoặc tên địa lí Việt Nam, câu ứng dụng có nội dung gắn liền với chủ đề và có chứa chữ cái viết hoa vừa học.

Các bước tổ chức việc dạy luyện viết chữ hoa được thực hiện tương tự như các bước ở lớp Một và Hai.

– *Bước 1*: GV tổ chức cho HS quan sát và phân tích mẫu:

+ Quan sát mẫu, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét của chữ hoa.

+ So sánh điểm giống và khác nhau về cấu tạo nét giữa các chữ hoa cùng nhóm.

+ Quan sát GV viết mẫu kết hợp nghe GV nhắc lại quy trình viết. Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể thực hiện viết mẫu từ 1 – 2 chữ hoa trong nhóm. Cũng có thể cho một HS viết tốt lên bảng viết mẫu cho cả lớp quan sát.

- Bước 2: HS luyện tập viết theo mẫu vào bảng con hoặc VTV.
- Bước 3: HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.

Tuỳ theo đối tượng HS, các bước tổ chức việc dạy viết câu ứng dụng có thể được thực hiện tương tự như các bước tổ chức việc dạy viết hoa. Khi giới thiệu câu ứng dụng, GV lưu ý hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng trong trường hợp cần thiết.

Trên thực tế, GV có thể linh hoạt lựa chọn dạy từng nội dung (chữ viết hoa → từ ứng dụng → câu ứng dụng) hoặc dạy từng hoạt động đối với cả hai nội dung (quan sát, phân tích mẫu → thực hành viết → đánh giá bài viết).

2.3. Hướng dẫn dạy học chính tả

2.3.1. Chính tả nghe – viết

Dạng BT này giúp HS luyện tập khả năng chuyển đổi âm thanh được nghe thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nghe – hiểu đúng nghĩa của từ, câu, đoạn. Do vậy, GV cần tổ chức dạy học theo các bước:

- Bước 1: HS đọc lại đoạn cần viết và trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn.
- Bước 2: Trường hợp đoạn cần viết có tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do phương ngữ, GV tổ chức cho HS đánh vần, nhận diện tiếng/ từ đó. Trong trường hợp cần thiết, GV hướng dẫn HS luyện viết từ khó vào giấy nháp hoặc bảng con.
- Bước 3: HS viết đoạn vào VBT trên cơ sở nghe GV đọc từng cụm từ có nghĩa.
- Bước 4: HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn theo hướng dẫn của GV.
- Bước 5: HS chữa lỗi (nếu có).

2.3.2. Chính tả nhớ – viết

Dạng BT này giúp HS luyện tập khả năng ghi nhớ, chuyển đổi những nội dung học thuộc lòng thành chữ viết đúng chính tả, rèn kĩ năng nhớ viết đúng hình thức ngữ nghĩa của từ, câu, đoạn. Do vậy, GV cần tổ chức dạy học theo các bước:

- Bước 1: HS đọc/ đọc thuộc lòng đoạn thơ/ văn, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung của đoạn thơ/ văn.
- Bước 2: HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ; quan sát một số tiếng/ từ dễ viết sai do ngữ nghĩa.
- Bước 3: HS viết đoạn/ bài đã học thuộc lòng vào VBT.



- Bước 4: HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- Bước 5: HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.3.3. Chính tả có quy tắc

Với dạng BT này, GV cho HS nhắc lại quy tắc, thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn. Có thể tổ chức theo các bước như sau:

- Bước 1: HS xác định yêu cầu của BT và ngữ liệu, tranh ảnh kèm theo (nếu có).
- Bước 2: HS nhắc lại quy tắc.
- Bước 3: HS thực hiện BT vào VBT.
- Bước 4: HS chữa BT bằng nhiều hình thức: chữa cá nhân, chia sẻ trong cặp/nhóm, chơi trò chơi,...
- Bước 5: HS đọc lại bài/ câu/ đoạn/ từ ngữ đã điền, có thể đặt câu với từ ngữ tìm được hoặc tìm hiểu nội dung đoạn ngữ liệu.
- Bước 6: HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3.4. Chính tả phương ngữ

Dạng BT này được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn, GV hướng dẫn HS đặt yếu tố cần tìm trong ngữ cảnh; tổ chức thực hiện BT và tự kiểm tra, đánh giá bài làm của mình, của bạn. Có thể tổ chức theo các bước như sau:

- Bước 1: HS xác định yêu cầu của BT và ngữ liệu, tranh ảnh kèm theo (nếu có).
- Bước 2: HS lựa chọn theo vùng phương ngữ và lỗi bản thân thường mắc phải do phương ngữ (BT dành cho phương ngữ Bắc trong khung nền vàng nhạt; BT dành cho phương ngữ Nam trong khung nền xanh da trời).
- Bước 3: HS thực hiện BT vào VBT.
- Bước 4: HS chữa BT bằng nhiều hình thức: chữa cá nhân, chia sẻ trong cặp/nhóm, chơi trò chơi,...
- Bước 5: HS đọc lại bài/ câu/ đoạn/ từ ngữ đã điền, có thể đặt câu với từ ngữ tìm được hoặc tìm hiểu nội dung đoạn ngữ liệu.
- Bước 6: HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3.5. Chính tả ngữ nghĩa

Dạng BT này, ở lớp Ba, bên cạnh các bài tập phân biệt *d/ gi*, sách thiết kế thêm BT phân biệt *ch/ tr*, *s/ x* trong các cặp tối thiểu thường dùng và HS thường mắc lỗi, như *chuyện/ truyện*, *chào/ trào*, *chú/ trú*, *sắc/ xắc*, *say/ xay*,... được thiết kế dưới dạng BT lựa chọn. Với kiểu BT này, GV hướng dẫn HS đặt tiếng hoặc từ trong ngữ cảnh để tìm hiểu

nghĩa và hình thức chữ viết tương ứng, các bước thực hiện tương tự chính tả có quy tắc/ chính tả phương ngữ.

2.4. Hướng dẫn dạy học luyện từ và câu

2.4.1. Mở rộng vốn từ và phát triển lời nói

Việc dạy MRVT và phát triển lời nói không chỉ được thực hiện ở tiết luyện tập sử dụng từ và câu mà còn được tích hợp và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động *Đọc văn bản*, *Chính tả*, hoạt động *Luyện tập mở rộng* và *Nói – viết sáng tạo*. Các dạng BT chủ yếu cho kiểu bài này gồm: MRVT bằng tranh ảnh gợi ý; MRVT thông qua bài đọc; MRVT bằng cách tìm từ chỉ khác nhau ở âm đầu hoặc vần; MRVT theo cấu tạo từ, theo trường nghĩa.

Để MRVT và phát triển lời nói cho HS, GV có thể tổ chức:

(1) MRVT và phát triển lời nói bằng tranh gợi ý: HS quan sát tranh tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất, nói câu có từ ngữ tìm được.

(2) MRVT và phát triển lời nói thông qua bài đọc: HS đọc một văn bản và tìm những từ ngữ được yêu cầu theo một trường nghĩa nhất định. GV hướng dẫn cho HS đặt câu có chứa các từ ngữ vừa tìm và viết câu vừa đặt vào vở.

(3) MRVT và phát triển lời nói bằng cách tìm từ chứa âm, vần: Dạng bài này được tích hợp ngay trong hoạt động đọc lưu loát và được tổ chức thành BT trong VBT. Để dạy dạng bài này, GV tổ chức cho HS tìm từ chứa tiếng có âm/ vần theo yêu cầu; nói – viết câu có từ ngữ tìm được. MRVT dạng này thường được gắn với BT chính tả.

(4) MRVT và phát triển lời nói theo cấu tạo từ: Dạng bài này thường cho sẵn một tiếng, yêu cầu HS tìm tiếng ghép với tiếng đã cho để tạo từ mới, đặt câu với từ ngữ tìm được.

(5) MRVT và phát triển lời nói theo nghĩa của từ: Dạng bài này thường cho sẵn từ và nghĩa của từ, như thẻ từ – thẻ ghi nghĩa từ hoặc BT giải ô chữ, giải câu đố. HS dựa vào các dữ kiện đã cho để tìm từ ngữ theo yêu cầu và nói câu có từ ngữ tìm được.

(6) MRVT và phát triển lời nói theo trường nghĩa: Dạng bài này được thiết kế dựa trên lí thuyết trường nghĩa với bốn kiểu nhỏ:

① Tìm từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc, hoạt động của các nhân vật có trong tranh,.../ đặc điểm, công dụng của đồ vật,...

② Tìm từ ngữ có thể kết hợp với từ đã cho.

③ Tìm từ ngữ có nghĩa giống với từ ngữ đã cho/ tìm từ ngữ có nghĩa trái ngược với từ ngữ đã cho (nội dung này vừa dạy kiến thức tiếng Việt, vừa dạy MRVT theo trường nghĩa).



④ Nói, viết câu chỉ tình cảm/ cảm xúc/ giới thiệu đồ vật/ tả đồ vật/ thuật hoạt động chứng kiến hoặc tham gia.

Các bước tổ chức thực hiện BT MRVT và phát triển lời nói:

- Bước 1: HS xác định yêu cầu BT và phân tích mẫu (nếu có).
- Bước 2: Một vài HS thực hành tạo mẫu và cùng GV phân tích.
- Bước 3: HS thực hiện BT bằng phương pháp, hình thức phù hợp.
- Bước 4: HS chia sẻ kết quả BT.
- Bước 5: HS và GV nhận xét, bổ sung.

2.4.2. Luyện tập nói, viết câu

Tương tự hoạt động dạy học MRVT, dạy học *Luyện tập nói, viết câu* không chỉ được thực hiện ở tiết luyện tập sử dụng từ và câu mà còn được tích hợp và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động *Đọc văn bản, Chính tả*, hoạt động *Luyện tập mở rộng* và *Nói – viết sáng tạo*. Thêm vào đó, việc dạy học nói, viết câu được bố trí ngay sau dạy học MRVT và phát triển lời nói. Các dạng BT chủ yếu cho kiểu bài này gồm: nhận diện và sử dụng từ chỉ người, đồ vật, con vật, cây cối; từ chỉ hoạt động; từ chỉ tính chất; nhận diện và sử dụng câu *ai, cái gì, con gì, là gì, làm gì, thế nào*; trả lời câu hỏi *khi nào?, ở đâu?, như thế nào?, vì sao?, để làm gì?, bằng gì?*; nhận diện và sử dụng câu kể – dấu chấm, câu hỏi – dấu chấm hỏi, câu khiến – dấu chấm than, câu cảm – dấu chấm than. GV hướng dẫn HS quan sát mẫu, phân tích mẫu, đặt câu (nói câu theo yêu cầu về từ ngữ/ mục đích nói → viết lại câu vừa nói).

Tiếp tục và phát triển nội dung nói, viết câu đã thực hiện ở lớp Hai, lên lớp Ba, các bài tập mở rộng câu bằng cách tìm/ thêm từ ngữ trả ở câu hỏi *ở đâu?, khi nào?, vì sao?, nhờ đâu?, bằng gì?, để làm gì?* với những kiểu dạng phong phú, gắn với nội dung chủ điểm được học giúp HS mở rộng câu.

Thêm vào đó, theo yêu cầu cần đạt của CT nội dung nói, viết câu có hình ảnh so sánh với các kiểu dạng: so sánh sự vật với sự vật, âm thanh với âm thanh, hoạt động với hoạt động, đặc điểm với đặc điểm và cách thức sử dụng các từ ngữ so sánh khác nhau cũng được sắp xếp theo tiến trình logic, hài hoà với các nội dung đọc, viết, nói và nghe góp phần giúp HS nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt.

Tương tự hoạt động MRVT và phát triển lời nói, các bước tổ chức thực hiện BT luyện câu và phát triển lời nói gồm:

- Bước 1: HS xác định yêu cầu bài tập và phân tích mẫu (nếu có).
- Bước 2: Một vài HS thực hành tạo mẫu và cùng GV phân tích.
- Bước 3: HS thực hiện bài tập bằng phương pháp, hình thức phù hợp.

- *Bước 4:* HS chia sẻ kết quả BT.
- *Bước 5:* HS và GV nhận xét, bổ sung.

2.5. Hướng dẫn dạy học nói và nghe

GV hướng dẫn HS cách nắm nội dung nghe, cách hiểu đúng thông điệp mà người nói truyền tải, đánh giá quan điểm của người nói, có thái độ nghe phù hợp, tích cực; tôn trọng người nói, tuân thủ quy tắc luân phiên lượt lời, quy tắc giữ thể diện người nói, người nghe.

Hoạt động dạy nói và nghe được thiết kế trong hoạt động khởi động của bài học, hoạt động cùng sáng tạo sau bài đọc, hoạt động dạy nghi thức lời nói, hoạt động kể chuyện, hoạt động nói để chuẩn bị cho viết sáng tạo (tập làm văn) và nói sáng tạo ở hoạt động vận dụng cuối một số bài học.

2.5.1. Nói và nghe kết nối bài học

Các dạng BT của kiểu bài này chủ yếu gồm: nói về tranh minh họa và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh; trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS thể hiện khả năng sử dụng ngôn ngữ của mình để giải quyết vấn đề. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS theo một số hình thức:

(1) Nói về tranh minh họa và kết nối đến những hiểu biết của bản thân về đối tượng được thể hiện trong tranh.

(2) Trao đổi về các bức tranh: GV tổ chức cho HS quan sát các bức tranh/ hình ảnh ở phần khởi động, tìm hiểu về nội dung tranh. Từ đó, GV đàm thoại gợi mở nhằm giúp HS kết nối điều mình vừa phát hiện với điều sẽ học.

(3) Trải nghiệm ngữ cảnh đòi hỏi HS sử dụng khả năng ngôn ngữ để giải quyết vấn đề: GV hướng dẫn HS đọc nhiệm vụ và thảo luận về cách giải quyết nhiệm vụ. GV tổ chức cho HS trải nghiệm ngôn ngữ để giải quyết nhiệm vụ, từ đó nhận ra nội dung sẽ học.

Các bước tổ chức thực hiện BT nói và nghe kết nối bài học:

- *Bước 1:* HS xác định yêu cầu BT và phân tích gợi ý (nếu có).
- *Bước 2:* HS thực hiện BT theo cặp hoặc nhóm nhỏ hoặc nói trước lớp trên cơ sở hình ảnh, tranh minh họa hoặc từ ngữ, câu gợi ý hoặc câu hỏi.
- *Bước 3:* Một số nhóm HS nói trước lớp.
- *Bước 4:* HS và GV đánh giá kết quả thực hành và kết nối vào bài học.

2.5.2. Nói và nghe tương tác

Lên lớp Ba, HS được thực hành kĩ năng nói và nghe về một vấn đề cụ thể thông qua một số dạng BT: nói về các hoạt động của nhóm tổ, lớp; nói về nhân vật em thích



hoặc trong truyện hoặc phim hoạt hình,... Đồng thời, các em cũng được luyện tập củng cố, nâng cao một số nghi thức giao tiếp đã học ở lớp Hai. Khi dạy kiểu bài này, GV chú ý cho HS thực hành các yếu tố thuộc về nghi thức lời nói như nhận diện từ xưng hô thích hợp, nhận biết sự luân phiên lượt lời, chờ đợi đến lượt, có thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh, biết kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ giao tiếp,...

Ở nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Nói đáp theo tình huống giao tiếp cho sẵn: GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động để hiểu rõ tình huống giao tiếp; tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu; hướng dẫn cho HS thực hiện theo cặp/nhóm nhỏ và tiến hành đánh giá, nhận xét.

(2) Đóng vai nhân vật để nói đáp theo yêu cầu: Kiểu bài này thường gắn với bài tập đọc. GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu của hoạt động để hiểu rõ tình huống giao tiếp. GV tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi về cách nói đáp theo nghi thức được yêu cầu. Ở lớp Ba, các nội dung nói và đáp lời chia buồn, lời an ủi, lời xin lỗi thường được thiết kế dạng đóng vai nhân vật (gắn với bài đọc hiểu).

2.5.3. Hỏi – đáp tương tác

Các dạng BT này bao gồm: luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý; luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học. GV có thể tổ chức hoạt động dạy học:

(1) Luyện hỏi – đáp theo mẫu gợi ý: GV tổ chức cho HS quan sát và đọc mẫu gợi ý, tổ chức cho HS thực hành theo mẫu trong cặp/ nhóm nhỏ.

(2) Luyện hỏi – đáp theo nội dung bài học: Dạng BT này luôn được sử dụng trong các tiết học, môn học. Tùy bài học cụ thể ở SHS, GV linh động giao các BT cho HS thực hiện.

2.5.4. Nghe – nói trong kể chuyện

Kĩ năng kể chuyện được tiếp tục phát triển với các yêu cầu cần đạt cụ thể: kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.

Những yêu cầu cần đạt về kĩ năng kể chuyện ở lớp Ba được hình thành, phát triển trên nền tảng các kĩ năng kể chuyện đã được hình thành ở lớp Hai (kể từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện dựa vào tranh và câu, câu hỏi hoặc cụm từ gợi ý), cài đặt ở bài 4 của mỗi chủ đề với ba hình thức: *Nghe – kể* (9 bài), *Xem – kể* (1 bài), *Đọc – kể* (6 bài). Theo đó, mạch kĩ năng kể chuyện lớp Ba được thiết kế gồm: kể toàn bộ câu chuyện (kết hợp phát triển ý từng đoạn: thêm vào đoạn kể một vài chi tiết đơn giản tả ngoại hình, lời nói, ý nghĩ của nhân vật,...), kể phân vai, kể bằng lời một nhân vật trong

truyện, tưởng tượng để kể thêm phần kết cho câu chuyện,... dựa vào tranh hoặc sơ đồ kết hợp với từ ngữ gợi ý, câu, câu hỏi.

Những câu chuyện được chọn lọc đa dạng về thể loại, nội dung gần gũi, phù hợp với chủ điểm, tranh ảnh hoặc sơ đồ minh hoạ sinh động, hấp dẫn, khơi gợi nhu cầu nói và trí tưởng tượng, sáng tạo của HS.

(1) Dạng bài nghe – kể gồm năm bước:

– *Bước 1:* GV cho HS đọc tên câu chuyện, quan sát tranh minh hoạ để phán đoán về nội dung câu chuyện và các yếu tố truyện như nhân vật, bối cảnh, tình tiết, kết thúc.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS nghe kể 1 – 2 lần, kèm theo câu hỏi kích thích sự tập trung chú ý lắng nghe của HS, câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý giúp HS nắm bắt nội dung chính từng đoạn của câu chuyện (tương ứng với từng tranh minh hoạ).

– *Bước 3:* GV tổ chức cho HS kể từng đoạn, kể toàn bộ câu chuyện kết hợp với việc thực hiện một số kĩ năng nghe – nói trong khi kể.

– *Bước 4:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu, liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.

– *Bước 5:* GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá phần trình bày của mình và các bạn.

(2) Dạng bài xem – kể gồm năm bước:

– *Bước 1:* GV cho HS đọc tên câu chuyện, phán đoán xem câu chuyện sẽ nói về điều gì.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS quan sát kĩ từng tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính trong mỗi tranh. Yêu cầu mỗi HS đều phải trả lời được ít nhất một câu. GV có thể sử dụng thêm các câu hỏi phụ; sử dụng các kĩ thuật phát triển lời nói để giúp HS có thể đưa ra các ý kiến, đánh giá, nhận xét,... về nhân vật/ tình tiết có trong tranh.

– *Bước 3:* GV hướng dẫn HS tập hợp các ý tưởng vừa nói cho từng tranh và ghép nối giữa các bức tranh để kể từng đoạn và toàn bộ câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.

– *Bước 4:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

– *Bước 5:* GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

(3) Dạng bài đọc – kể gồm bốn bước:

– *Bước 1:* GV tổ chức cho HS quan sát tranh minh hoạ. GV sử dụng câu/ câu hỏi/ từ ngữ gợi ý dưới tranh để giúp HS trả lời về tình tiết chính.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS kể từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện theo nhóm nhỏ/ trước lớp.



– *Bước 3:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện, đánh giá về nhân vật/ bài học trong câu chuyện, liên hệ bài học đó với bản thân.

– *Bước 4:* GV cho HS tự đánh giá và đánh giá về phần trình bày của mình và của bạn.

Trong nội dung dạy kể chuyện ở lớp Ba, có yêu cầu trao đổi về nhân vật, nội dung, ý nghĩa câu chuyện hoặc tưởng tượng để kể thêm phần kết. Ở nội dung này, tùy thuộc nội dung câu chuyện, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện một trong các hoạt động:

– Nói về nhân vật em thích và giải thích lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

– Tưởng tượng để kể thêm phần kết của câu chuyện trong nhóm/ trước lớp dựa vào tranh ảnh, từ ngữ,... gợi ý.

– Đặt một tên khác cho truyện và giải thích cách đặt tên.

– Nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.5.5. Dạy nói sáng tạo

(1) Nói theo câu hỏi/ câu gợi ý: GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận về nội dung câu hỏi/ câu gợi ý. HS thảo luận để nêu lên những ý tưởng cho việc trả lời nội dung câu hỏi. HS phân công công việc và thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời và đối ngược lại).

(2) Giới thiệu về sự vật, hoạt động theo gợi ý: GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động. HS nghe GV giới thiệu/ nhắc lại cách giới thiệu về sự vật, hoạt động. HS đọc các câu gợi ý. HS thảo luận trong nhóm về ý tưởng cho từng gợi ý và thực hiện BT.

2.6. Hướng dẫn dạy học viết sáng tạo

Mục đích của kiểu bài viết sáng tạo là giúp HS chuyển đổi ý tưởng được trình bày dưới dạng ngôn ngữ nói trong hoạt động luyện nói sáng tạo thành ngôn ngữ viết và làm quen với việc viết câu/ đoạn văn ngắn.

Để làm được điều này, nhóm TG chủ đích sắp xếp các thể loại từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và thiết kế dạy kĩ năng viết sáng tạo theo hai giai đoạn:

Giai đoạn làm quen gồm các dạng bài đơn giản: *tự giới thiệu, viết thông báo, bản tin ngắn, điền thông tin vào tờ khai in sẵn,...* Mỗi dạng bài được dạy 1 – 2 tiết, cố gắng kết nối với bài đọc để tạo ngữ cảnh nói, viết tự nhiên. Sản phẩm của HS ở giai đoạn này yêu cầu từ 4 – 5 câu để có sự tiếp nối với lớp Hai.

Giai đoạn luyện viết theo thể loại được thiết kế linh hoạt, sắp xếp theo trình tự từ ôn luyện đến học mới, từ dễ đến khó: *viết thư (thư tay hoặc thư điện tử); tả đồ vật quen thuộc; thuật việc được chứng kiến hoặc tham gia; viết về tình cảm, cảm xúc về con người,*

cảnh vật; viết về lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe,...

Theo *CT Giáo dục phổ thông Ngữ văn 2018*, việc dạy viết sáng tạo chính là sự thể hiện kĩ năng tạo lập văn bản, bao gồm cả dạng nói và viết. Ở lớp Ba, việc dạy kĩ năng viết thể hiện sự hướng dẫn bước đầu chuẩn bị cho việc viết theo thể loại. SGK *Tiếng Việt 3* lựa chọn cách dạy kĩ thuật viết dưới dạng hướng dẫn HS nhận thức được quá trình tạo lập văn bản của mình hơn là nhấn mạnh vào kết quả sản phẩm làm văn của các em. Để làm được điều này, sách lựa chọn và phân chia việc viết đoạn văn ngắn của HS thành theo các giai đoạn:

① *Nhận diện thể loại* (chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Ba, hạn chế tối đa việc sử dụng văn bản mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS) phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

② *Tìm ý* (theo yêu cầu của CT) với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển nội dung cho bài nói/ viết.

③ *Nói miệng* (trên cơ sở ý đã tìm) chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói.

④ *Viết chính thức* (dựa trên kết quả nói).

Mỗi thể loại với chu kì bốn bước trên thường được thực hiện 2 – 3 lần để đáp ứng yêu cầu hình thành kĩ năng viết. Gợi ý cho mỗi đề bài được đưa ra từ dễ đến khó (gợi ý bằng câu, câu hỏi, hình ảnh, từ ngữ,...) với hình thức đa dạng, phong phú (tranh ảnh, sơ đồ tư duy dạng hình ảnh, đoạn ngữ liệu,...) hỗ trợ HS tìm ý và nói, viết được đúng thể loại với những yêu cầu đơn giản. Ở mỗi “chặng”, đặt ra yêu cầu viết từ 5 – 7 câu, đến 6 – 8 câu, 7 – 9 câu và 8 – 10 câu. Sau khi viết bài, HS được hướng dẫn đánh giá bài viết (tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng): chỉnh sửa, hoàn thiện, trang trí và trình bày bài viết.

Cụ thể, việc tổ chức dạy học những kiểu bài mới sẽ được tiến hành như sau:

(1) Giai đoạn nhận diện thể loại

Để giúp HS nhận diện đúng thể loại làm văn cần học, SGK *Tiếng Việt 3* sử dụng chủ yếu phương pháp học theo mẫu (mẫu ở đây được hiểu là đoạn văn được giới thiệu có tính chất tham khảo, hỗ trợ HS nhận diện thể loại, không được hiểu theo nghĩa tìm hiểu để làm đúng như mẫu). Theo đó, sách chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Ba, hạn chế tối đa việc sử dụng văn bản mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS. Giai đoạn nhận diện thể loại, GV sẽ tiến hành các hoạt động như sau:



– *Bước 1:* GV giúp HS hiểu mục đích và ý nghĩa của thể loại bằng cách liên hệ với phần nội dung bài đọc trước đó (nếu có); cung cấp mẫu đến cho HS, tổ chức cho HS tìm hiểu mẫu.

– *Bước 2:* GV tổ chức cho HS tìm hiểu mẫu bằng hệ thống câu hỏi hoặc BT. GV lưu ý giúp HS xem xét, phân tích mẫu trên phương diện liên quan đến cách thức làm bài văn theo thể loại (mục đích viết, cấu tạo, triển khai ý, thể hiện tình cảm/ thái độ của người viết, đối tượng của bài viết); tránh cách hỏi về nội dung của bài văn mẫu. HS có thể tiến hành bước này theo hình thức toàn lớp, cá nhân hoặc cặp/ nhóm.

– *Bước 3:* Tổ chức cho HS thực hành theo mẫu.

– *Bước 4:* Tổ chức cho HS luyện tập.

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo*, thuộc Bài 2: *Điều kì diệu*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, t.1, tr.81.

1. Nhận diện thể loại

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc đoạn văn viết về tình cảm của một bạn nhỏ với Minh trong truyện *Ý tưởng của chúng mình*.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi tìm hiểu nội dung đoạn viết và cách viết.
- HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn nhận xét và GV chốt ý (có thể dùng sơ đồ để chốt về cấu trúc và một vài lưu ý khi làm bài).
- HS rút ra những lưu ý khi viết đoạn văn ngắn về tình cảm với bạn bè hoặc thầy cô giáo.

(2) Giai đoạn tìm ý

Giai đoạn tìm ý được thiết kế với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển nội dung cho bài nói/ viết theo yêu cầu.

Theo đó, GV thường tiến hành các hoạt động như sau:

– *Bước 1:* Tìm hiểu đề bài. GV cần giúp HS hình dung đối tượng cần viết trong bài là gì, hoàn cảnh, thời gian,... liên quan đến đối tượng đó. GV nên diễn đạt đề bài thành một tình huống giao tiếp để các em nảy sinh trạng thái tâm lí muốn trao đổi, thể hiện ý nghĩ của mình về đối tượng đó. Với một số đề bài, GV cũng có thể điều chỉnh hoặc thay thế để đảm bảo phù hợp với đối tượng HS cụ thể và điều kiện thực tiễn địa phương.

– *Bước 2:* Tìm và phát triển ý. Điều quan trọng nhất trong bước này chính là giúp HS có thói quen động não, suy nghĩ về những đặc điểm, nội dung của đối tượng mà mình muốn nói tới ở bước 1. Một số biện pháp dạy học mà GV có thể sử dụng trong bước này là: HS tự đặt câu hỏi về đối tượng mình muốn nói đến (VD: sử dụng bảng câu hỏi *ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, tại sao, cảm nghĩ/ tình cảm gì về đối tượng đó*); HS suy nghĩ và ghi chép lại những ý tưởng vào giấy nháp; HS lập sơ đồ tư duy/

sơ đồ cây về sự kiện chi tiết/ sắp xếp các thông tin có liên quan,...). HS có thể trao đổi với bạn trong cặp/ nhóm nội dung tìm ý của mình để được góp ý, sắp xếp, bổ sung, phát triển,...

– *Bước 3*: HS chia sẻ trước lớp. GV giúp HS tổ chức sơ đồ khoa học để có thể hình dung về cấu trúc của bài viết cũng như gợi ý bằng một vài câu hỏi, từ khoá để HS phát triển, mở rộng ý cho bài viết.

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo*, thuộc Bài 2: *Điều kì diệu*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, t.1, tr.81.

2. Tìm ý cho đoạn văn ngắn viết về tình cảm với bạn bè hoặc thầy cô giáo

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý trên sơ đồ.
- HS trả lời một vài câu hỏi để định hướng việc thực hiện yêu cầu:
 - + *Em chọn viết về ai? Vì sao?*
 - + *Bạn hoặc thầy cô giáo của em có đặc điểm gì nổi trội về hình dáng, tính tình,...?*
 - + *Tình cảm của em với bạn hoặc thầy cô giáo ra sao?*
 - + ...
- HS làm bài cá nhân vào VBT, tập ghi chép bằng sơ đồ.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét để bổ sung, hoàn chỉnh nội dung tìm ý.

(3) Giai đoạn nói (miệng)

Giai đoạn nói miệng được thiết kế với mục đích giúp HS biết cách nói và phát triển nội dung bài nói dựa vào sơ đồ đã lập. Đây cũng là bước chuẩn bị cho giai đoạn viết bài hoàn chỉnh.

Theo đó, GV thường tiến hành các hoạt động như sau:

- *Bước 1*: HS đọc lại đề bài và sơ đồ/ dàn ý của tiết trước.
- *Bước 2*: HS nói miệng trong cặp/ nhóm dựa vào sơ đồ/ dàn ý đã có. HS giúp nhau nhận xét, góp ý để bổ sung, phát triển,... bài nói.
- *Bước 3*: HS chia sẻ trước lớp. GV giúp HS hoàn chỉnh, phát triển, mở rộng ý cho bài nói bằng cách nhận xét, đặt câu hỏi về cấu trúc, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, mở rộng câu, phát triển ý,...

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo*, thuộc Bài 4: *Ước mơ màu xanh*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, t.1, tr.89.

1. Nói về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc lại nội dung tìm ý cho đề bài viết về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo.
- HS nói trong nhóm đôi và nhận xét, giúp bạn hoàn chỉnh bài nói.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.



(4) Giai đoạn viết đoạn văn hoàn chỉnh

Giai đoạn viết đoạn văn hoàn chỉnh được thiết kế với mục đích giúp HS biết cách viết lại nội dung đã nói. Đây cũng là bước cuối cùng trong chu trình hình thành kỹ năng viết đoạn văn. Vì vậy, ở một số tiết, HS được làm quen với việc trang trí, trình bày, chia sẻ bài viết.

Theo đó, GV thường tiến hành các hoạt động như sau:

– *Bước 1:* HS tự viết đoạn văn hoàn chỉnh vào VBT dựa vào nội dung nói và những góp ý của bạn và GV.

– *Bước 2:* HS chia sẻ bài viết trong nhóm và giúp nhau nhận xét, góp ý,... cho đoạn văn.

– *Bước 3:* HS chia sẻ trước lớp. GV và HS đánh giá một số bài viết.

Sau đó, tùy từng bài cụ thể, HS có thể thực hiện thêm các bước:

– *Bước 4:* HS trang trí và trưng bày bài viết trong nhóm/ trước lớp bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.

– *Bước 5:* HS nói về những điều em học được/ muốn góp ý cho bài viết của bạn, những điều em muốn chỉnh sửa/ em hài lòng ở bài viết của mình,...

VD: Bài *Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo*, thuộc Bài 4: *Ước mơ màu xanh*, Chủ điểm 5: *Ước mơ tuổi thơ*, t.1, tr.89.

2. Viết đoạn văn ngắn về tình cảm của em với bạn bè hoặc thầy cô giáo

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:
 - + Nội dung
 - + Hình thức
 - + ...
- HS thực hiện bài viết vào VBT.

3. Trang trí và trưng bày bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại và trang trí đơn giản cho bài viết.
- HS trình bày bài viết bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS tham quan *Phòng tranh* và đọc một bài viết em thích.

2.7. Hướng dẫn tổ chức hoạt động vận dụng

Hoạt động vận dụng giúp HS vận dụng các nội dung đã học vào thực tế đời sống, kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với hình thức phong phú, nội dung đa dạng, được các em yêu thích như đóng vai, giải ô chữ, chơi trò chơi, đọc thơ, vận động theo nhạc, vẽ,... Việc tích hợp ngôn ngữ, vận động, âm nhạc, vẽ,... trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng giúp HS có thêm một cơ hội rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Nếu có các hoạt động nghệ thuật hỗ trợ cho hoạt động ngôn ngữ, GV cần lưu ý không đánh

giá sản phẩm của HS trong giờ học Tiếng Việt bằng tiêu chí của các môn nghệ thuật. Cần hiểu rõ hoạt động nghệ thuật được sử dụng với tư cách hỗ trợ, làm hoạt động ngôn ngữ trở nên sinh động, hấp dẫn.

Hoạt động vận dụng thường được bố trí ở vị trí cuối cùng của bài học. Tùy bài cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện các bước:

- **Bước 1:** Xác định yêu cầu của hoạt động.
- **Bước 2:** Thực hiện yêu cầu theo nhóm nhỏ.
- **Bước 3:** Chia sẻ, trưng bày sản phẩm, chia sẻ, rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, hoạt động vận dụng cũng có thể được thực hiện linh hoạt, không nhất thiết phải thực hiện cuối bài học mà có thể thực hiện sau khi luyện tập một kĩ năng của bài học.

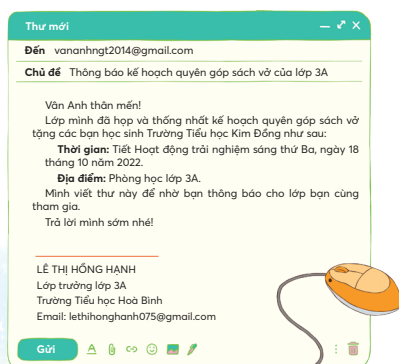
Hoạt động vận dụng có thể tổ chức ở lớp với các bước và các nội dung như vừa nêu. Tuy nhiên, tùy nội dung bài học, có những hoạt động vận dụng có thể cho HS thực hiện ở nhà. Nếu cho HS thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn HS cách thực hiện.

Trong mỗi bài học, việc phân chia các hoạt động dạy học thành các tiết được thực hiện linh hoạt (tùy điều kiện thực tế địa phương và đối tượng HS). Vì vậy, GV cần nghiên cứu kĩ phân phối CT để chủ động xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân phù hợp nhất, chủ động tăng – giảm thời lượng tổ chức từng hoạt động dạy học đáp ứng năng lực của đối tượng HS và điều kiện thực tế địa phương. Đảm bảo cuối năm học, HS đạt yêu cầu về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng như nắm được các kiến thức tiếng Việt và văn học mà CT quy định.

3. BÀI SOẠN MINH HOẠ

3.1. Bài soạn minh họa tiết viết sáng tạo Thư điện tử

1. Đọc thư điện tử và trả lời câu hỏi.



a. Bạn Hồng Hạnh viết thư cho bạn Văn Anh để làm gì?

b. Thư có những nội dung gì?

Chọn các thẻ màu xanh phù hợp với mỗi thẻ màu hồng:

Phần đầu thư	Địa chỉ người nhận thư
Phần nội dung	Chủ đề
Phần cuối thư	Lời xưng hô
	Những thông tin cần trao đổi
	Thông tin của người gửi thư

2. Giúp bạn Văn Anh viết thư trả lời bạn Hồng Hạnh dựa vào gợi ý:



Vận dụng

1. Đặt tên địa chỉ thư điện tử của em.



2. Chia sẻ với bạn về tên em đặt.



TIẾT 3

3. VIẾT SÁNG TẠO

3.1. Nhận diện thể loại thư điện tử

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc thư điện tử của bạn Hồng Hạnh viết cho bạn Vân Anh.
- HS thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi.

(Gợi ý: b. + Phần đầu thư: *Địa chỉ người nhận thư; Chủ đề.*

+ Phần nội dung: *Lời xưng hô; những thông tin cần trao đổi.*

+ Phần cuối thư: *Thông tin của người gửi thư.*)

- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét và rút ra những lưu ý khi viết thư điện tử: nội dung, hình thức trình bày,...

3.2. Thực hành viết thư điện tử

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các gợi ý.
- HS thảo luận nhóm đôi để tìm ý trả lời cho bức thư.
- HS thực hiện vào VBT.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đặt tên địa chỉ thư điện tử của em và chia sẻ về tên em đặt.*

– HS xem lại cách đặt tên địa chỉ thư điện tử của bạn Vân Anh, bạn Hồng Hạnh và nghe GV gợi ý:

- + Tên địa chỉ thư điện tử gồm có những phần nào?
- + Phần nào do các bạn tự đặt?
- + Phần đó thường có những thông tin gì?
- + ...
- HS thực hiện đặt tên thư điện tử cá nhân theo gợi ý của GV.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về tên địa chỉ thư điện tử vừa đặt.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét và tổng kết bài học.

3.2. Bài soạn minh họa tiết kể chuyện Bông lúa



1. Xem tranh, kể lại từng đoạn của câu chuyện.

Bông lúa

Theo Truyện dân gian U-crai-na



2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

118

TIẾT 2

2. NÓI VÀ NGHE

Bông lúa

1. Ngày xưa, có hai chú chuột sống chung với một chú gà trống. Hai chú chuột rất lười, chẳng chịu làm gì. Còn gà từ tỉnh mơ đã dậy chăm chỉ làm việc.

Một hôm, gà quét sân và nhìn thấy một bông lúa mì. Nó gọi to:

– Các cậu lại đây xem tớ tìm được gì này.

Tức thì hai chú chuột cùng chạy lại:

– Phải đem tuốt thôi!

– Ai tuốt bây giờ? – Gà hỏi.

– Ai cũng được, trừ tớ! – Cả hai đồng thanh.

– Tớ sẽ tuốt. – Gà nói.



2. Tuốt lúa xong, gà gọi:

– Lại đây xem tớ có bao nhiêu là hạt!

Hai chú chuột lại chạy đến:

– Bây giờ phải mang đến cối xay!

– Thế ai mang bây giờ? – Gà hỏi.

– Ai cũng được, trừ tớ! – Cả hai lại tranh nhau nói.

– Thôi được, tớ mang vậy. – Gà nói rồi vác bao tải đi.

3. Hai chú chuột tiếp tục đẩy cho gà trống nhào bột, lấy củi, nhóm lò, nướng bánh.

Bánh vừa chín toả mùi thơm thì chúng đã chạy tới:

– Ôi chao, tôi đói mềm ra rồi!

Gà thông thả:

– Khoan đã! Hãy nói xem ai nhìn thấy bông lúa, ai tuốt lúa và mang gạo tới cối xay?

– Là cậu! – Cả hai nói nhỏ.

– Còn ai nhào bột, lấy củi, nhóm lò, nướng bánh?

– Đều là cậu! – Hai chú chuột lí nhí.

– Thế các cậu làm gì?

4. Chẳng biết trả lời thế nào, hai chú chuột lúng túng bỏ đi. Gà trống cũng chẳng giữ chúng lại, vì không nên mời kẻ lười biếng ăn bánh.

Truyện dân gian U-crai-na (Ukraina)

(Đọc và kể chuyện văn học ở vườn trẻ, NXBGD, 1978)

2.1. Xem tranh, kể từng đoạn câu chuyện

– HS đọc tên truyện và tranh minh hoạ, phỏng đoán nội dung truyện.

– HS quan sát hai bức tranh ở đoạn 1, đọc câu dưới tranh và các câu trong bóng nói, nghe GV hướng dẫn kể đoạn thứ nhất dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Chuyện diễn ra khi nào? Ở đâu?

+ Đoạn 1 có những nhân vật nào?

+ Chuyện gì xảy ra với các nhân vật đó?

+ ...

→ 1 – 2 HS kể đoạn 1 trước lớp.

– HS quan sát các bức tranh ở đoạn 2, 3, 4, đọc các câu trong bóng nói và câu dưới tranh cuối – đoạn 4, nghe GV hướng dẫn kể các đoạn tiếp theo dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Khi thấy gà trống đưa bao lúa mì, hai chú chuột nói gì? Gà trống hỏi hai chú chuột điều gì? Hai chú chuột trả lời ra sao?

+ Gà trống làm gì trong bếp?

+ Khi thấy gà mang bánh ra, hai chú chuột nói gì?

+ ...

– HS quan sát các bức tranh và kết hợp các câu hỏi gợi ý để kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4. (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật; khuyến khích HS sáng tạo bằng cách thêm từ ngữ chỉ cảm xúc, âm thanh, chuyển tiếp phù hợp với mỗi đoạn, VD: *A ha!, Tuyệt quá!, Nhưng..., Chà!* Vào đoạn 1,...).

– Một nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Kể toàn bộ câu chuyện

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, VỞ BÀI TẬP, VỞ TẬP VIẾT

1.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

SGV *Tiếng Việt 3* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* gồm hai tập, được biên soạn với mục đích giới thiệu quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách *Tiếng Việt 3* và các phương án dạy học các bài trong SHS *Tiếng Việt 3*. Sách gồm hai phần lớn:

Phần một: Hướng dẫn chung, giới thiệu về quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* và phần hướng dẫn về việc hướng dẫn dạy học các kiểu bài, hướng dẫn kiểm tra đánh giá. Cuối phần hướng dẫn chung là các phụ lục: *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Ba; Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 3, Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa,...*

Phần hai: Hướng dẫn cụ thể bao gồm toàn bộ các thiết kế dạy học cho tất cả các bài học và tiết học có trong SHS *Tiếng Việt 3*. Cuối sách là phần gợi ý hướng dẫn GV thiết kế các tiết ôn luyện và đề kiểm tra cuối kì. GV có thể xem SGV như một phương án gợi ý cho các hoạt động dạy học tất cả kiểu bài. Tùy tình hình, đặc điểm HS của từng lớp, GV có thể thiết kế lại, chuyển đổi một số hình thức dạy học, đánh giá, thậm chí là cả BT cho phù hợp và đúng với định hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực HS, chú trọng dạy học phân hoá, tích hợp, tích cực.

Phần hướng dẫn cụ thể của SGV được trình bày theo đơn vị bài học, tuần và chủ đề. Tuy nhiên, ở từng bài học, để giúp GV chủ động giảng dạy phù hợp với trình độ, năng lực của HS lớp mình phụ trách, SGV *Tiếng Việt 3* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* không tách bạch từng tiết.

Để giản tiện trong trình bày, tránh gây cảm giác nặng nề, nhàm chán, những lưu ý về đánh giá, nhận xét (kế hoạch, hình thức tổ chức, cách tiến hành, cách nói/ viết lời nhận xét đánh giá,...) về dạy học đại trà và dạy học phân hoá,... được nêu ở bài hướng dẫn chung về dạy học các kiểu bài mà không nêu ở từng bài cụ thể.

Theo các nhà tâm lí học, năng lực là tổng hoà kiến thức, kĩ năng, thái độ; theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học*, yêu cầu cần đạt trong một bài dạy là những kết quả học tập mà mỗi HS cần đạt sau mỗi chủ đề/ bài học/ tiết học. Mức độ cụ thể, chuyên biệt của các kết quả này phụ thuộc vào mức độ tường minh của các mục tiêu dạy học mà GV hình dung trong đầu và diễn đạt

chúng. Do đó, khi soạn yêu cầu cần đạt, GV cần dùng từ ngữ chỉ các khả năng có thể quan sát trực tiếp và có thể kiểm soát được/ kiểm tra/ đánh giá được mức độ đạt được của HS sau mỗi bài học. Từ kết quả này, GV sẽ có cơ sở để chỉnh sửa/ phản hồi cho những tiết học sau. Kết quả đạt được từ mỗi bài học là một lát cắt của quá trình phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Do đó, việc phát triển năng lực và phẩm chất cho HS là một quá trình/ tiến trình chứ không phải chỉ thông qua một bài học. Mặt khác, vì năng lực của HS là sự kết hợp tổng hoà của cả ba yếu tố: kiến thức, kĩ năng, thái độ – phẩm chất nên khi viết một mục tiêu theo định hướng năng lực, phẩm chất, GV cũng cần dùng một cách cụ thể sự kết hợp của cả ba yếu tố đó với các mức độ khác nhau. Vì những lí do trên, SGK *Tiếng Việt 3* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* thiết kế yêu cầu cần đạt theo hoạt động, sử dụng cụm động từ chỉ hoạt động để diễn đạt giúp GV quan sát được, lượng hoá được các hoạt động dạy học và kết quả thu được ở HS. Thêm vào đó các mục tiêu được trình bày theo thứ tự hoạt động giúp GV thuận tiện trong việc thiết kế hoạt động dạy học và tiến trình thực hiện một đơn vị bài học.

Các hướng dẫn cụ thể là những gợi ý, GV tùy thuộc thực tế dạy học để cụ thể hoá cho phù hợp với đối tượng dạy học và điều kiện dạy học. Ngoài ra, để giúp GV tham khảo mở rộng thêm, SGK có những chú dẫn về nguồn tài liệu để GV thuận tiện khi tìm kiếm.

1.2. Hướng dẫn sử dụng vở bài tập

Để tránh việc HS viết bài, làm bài trực tiếp vào SHS (SHS có thể sử dụng được nhiều năm), HS sẽ thực hành rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe vào VBT. VBT *Tiếng Việt 3* gồm hai tập tương ứng với SHS tập một và tập hai. Các bài trong VBT bám sát theo từng nội dung bài học ở SHS.

Mở đầu VBT có bảng hướng dẫn các kí hiệu được sử dụng trong VBT. Các kí hiệu đều đơn giản nhưng có sức gợi hình dung đúng về nội dung mà kí hiệu biểu thị; một số kí hiệu đã được sử dụng trong SHS. GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nắm vững các kí hiệu để thực hiện các BT đạt kết quả tốt.

(4): Bài tập tự chọn

M: Mẫu



Chữa lỗi



Tự đánh giá

SGK: Sách giáo khoa Tiếng Việt 3, tập một
tr.: trang

VBT thường có cấu trúc: BT, phần cho HS giải BT, phần cho HS chữa lỗi và phần cho HS tự đánh giá.

Khi hướng dẫn HS sử dụng VBT, GV cần lưu ý:

- VBT chỉ chuyển từ SHS những BT cần thực hiện thông qua hoạt động viết.
- Về diễn đạt câu lệnh, yêu cầu, câu hỏi cũng có sự thay đổi do câu lệnh, yêu cầu, câu hỏi trong SHS hướng tới tổ chức thực hiện hoạt động bằng nhiều hình thức; câu lệnh, yêu cầu, câu hỏi trong VBT hướng tới ghi nhận kết quả thực hiện BT.
- Đối với một số BT, HS thực hiện thông qua kênh hình: Do VBT chỉ có hai màu nên khi tổ chức cho HS thực hiện những BT dạng này, GV sử dụng kết quả thực hiện BT trên lớp kết hợp với tranh ảnh trong SHS để bài làm của HS đạt hiệu quả.

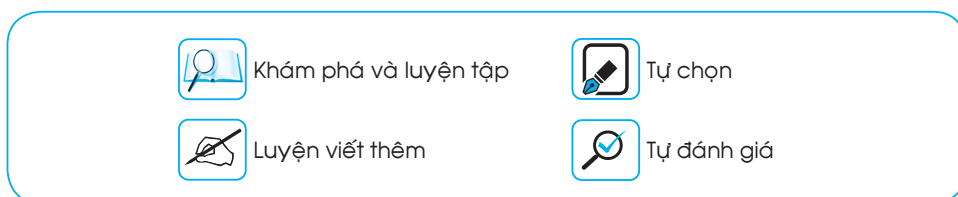
Đối với những địa phương không sử dụng VBT, GV lưu ý vẫn phải tổ chức cho HS thực hiện một số BT dạng viết, giúp các em phát triển hài hoà các kĩ năng theo đúng yêu cầu của CT.

1.3. Hướng dẫn sử dụng vở tập viết

VTV *Tiếng Việt 3* gồm một tập. Nội dung viết trong VTV thiết kế phù hợp với mỗi bài học ở SHS.

Mở đầu VTV có bảng hướng dẫn các kí hiệu được sử dụng trong VTV. Các kí hiệu đều đơn giản nhưng có sức gợi hình dung đúng về nội dung mà kí hiệu biểu thị; nhiều kí hiệu được sử dụng trong SGK và VBT. GV chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu nắm vững các kí hiệu để thực hiện các BT viết đạt kết quả tốt.

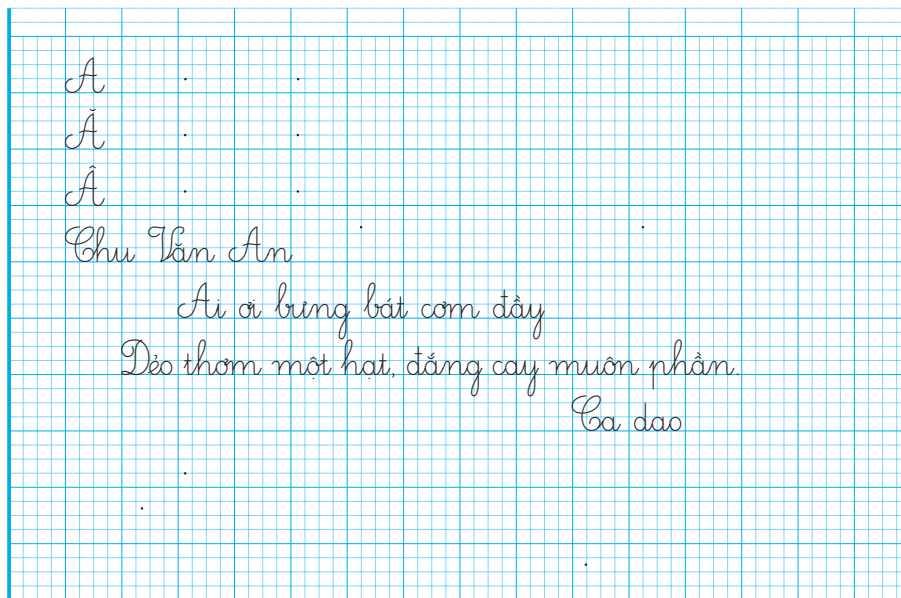
Kí hiệu dùng trong vở



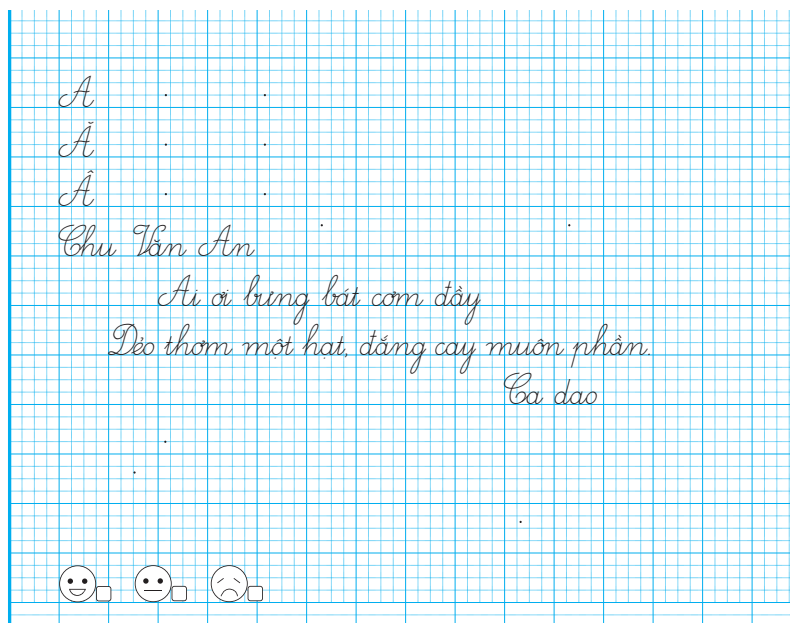
VTV bao gồm các nội dung HS cần tập viết. Hai tuần học có 1 tiết dành cho tập viết tương ứng với một bài trong VTV. Mỗi bài trong VTV được thiết kế trên hai trang:

- *Trang 1*: Luyện viết ở lớp, bao gồm:
 - + Nội dung viết bắt buộc: Viết chữ viết hoa cỡ nhỏ (mẫu 1 hoặc mẫu 2); viết từ và viết câu ứng dụng kiểu chữ đứng, nét đều.

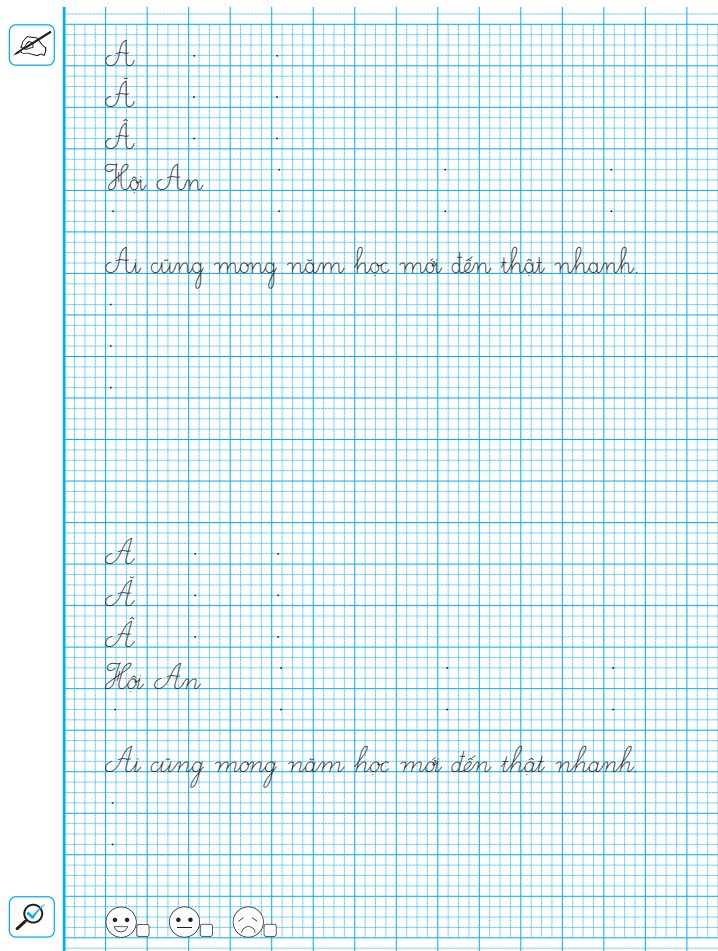
TUẦN 1



+ Nội dung viết tự chọn: Viết chữ viết hoa cỡ nhỏ (mẫu 1 hoặc mẫu 2); viết từ và viết câu ứng dụng kiểu chữ nghiêng, nét đều.



– Trang 2: Luyện viết thêm (có thể thực hiện ở buổi học thứ hai), bao gồm: Viết chữ viết hoa cỡ nhỏ (mẫu 1 hoặc mẫu 2); viết từ và viết câu ứng dụng kiểu chữ đứng và chữ nghiêng, nét đều.



2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH THAM KHẢO

Để đáp ứng nhu cầu của GV và HS, đi kèm SHS *Tiếng Việt 3*, bộ sách *Chân trời sáng tạo*, NXB GD VN dự kiến biên soạn một số đầu sách tham khảo dành cho GV, HS và phụ huynh HS liên quan tới một số nội dung: kế hoạch bài dạy; sách hỗ trợ từng kĩ năng đọc, viết (viết kĩ thuật, viết chính tả, viết sáng tạo), nói và nghe; sách hỗ trợ kiến thức tiếng Việt (từ và câu); ôn tập cuối tuần, kiểm tra đánh giá,...

Sách tham khảo có thể được sử dụng:

- Hỗ trợ quá trình dạy học phân hoá đối tượng trong/ sau giờ học;
- Hỗ trợ hoạt động ôn luyện Tiếng Việt trong buổi học thứ hai (nếu có);
- Hỗ trợ phụ huynh trong quá trình phối hợp với GV để hướng dẫn HS ôn luyện thêm sau giờ học;

...

Tuỳ điều kiện thực tiễn dạy học ở các địa phương và đối tượng HS mà GV và phụ huynh cân nhắc, lựa chọn các đầu sách tham khảo phù hợp.



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU



Sách không bán